



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ PETROVIETNAM SECURITIES INC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

- 02 THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 04 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI
- 05 DẤU ẤN 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

- 08 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY
- 09 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 10 CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ TIÊU BIỂU
- 12 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- 14 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 18 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 20 ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO
- 24 CÁC RỦI RO

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

- 30 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- 32 NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH
- 33 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- 34 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 36 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
- 37 YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG
- 41 VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

III. DỰ BÁO NĂM 2025 VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA PSI

- 44 TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024
- 46 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2024
- 48 TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025
- 50 MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2025

IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 54 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 68 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 80 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
- 84 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA CÔNG TY
- 90 THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

V. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 94 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI
- 96 ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 98 NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỞ ĐẦU

02

THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

05

DẤU ẤN 2024



THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“**ĐỔI MỚI** TỪ CỐT LỖI,
QUẢN TRỊ SỰ BIẾN ĐỘNG,
BỔ SUNG ĐỘNG LỰC MỚI,
LÀM MỚI ĐỘNG LỰC CŨ,
PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH
VƯỢT TRỘI”



Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nhiều biến động, nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng và đạt tăng trưởng GDP 7,09%, vượt mục tiêu tăng trưởng của Quốc hội. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam cũng vượt xa dự báo của các tổ chức kinh tế thế giới như IMF, World Bank, ADB... Thị trường chứng khoán Việt Nam 2024 cũng đã chứng kiến một năm khá tích cực với VN-Index tăng 12,1% so với năm 2023, đưa Việt Nam vào danh sách các thị trường chứng khoán tăng trưởng tốt nhất khu vực dù phải đối mặt với trạng thái rút ròng liên tiếp của khối ngoại.

Năm 2024 đánh dấu cột mốc quan trọng khi PSI chính thức bước sang tuổi 18. Trải qua hành trình gần hai thập kỷ với không ít thử thách, PSI luôn chú trọng quản trị sự biến động, đề cao công tác dự báo, xây dựng kế hoạch, chiến lược để chủ động thích nghi với những biến chuyển nhanh chóng của thị trường. Theo đuổi mô hình vượt trội, tinh thông, linh hoạt, PSI đã tạo ra các động lực tăng trưởng mới, đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh và phát triển các kênh sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng; làm mới động lực cũ thông qua sự linh hoạt cung cấp các sản phẩm truyền thống.

Nhờ những nỗ lực đó, PSI đã nâng tổng tài sản lên gần 2.600 tỷ đồng, gấp gần 6 lần ngày đầu thành lập. Năm 2024 tiếp tục đánh dấu sự tăng trưởng của PSI với doanh thu tăng 15,2%, lợi nhuận trước thuế tăng 7,8% so với cùng kỳ. Song song với đó, PSI cũng đã xây dựng được đội ngũ nhân sự không chỉ có kỹ năng chuyên môn, giàu kinh nghiệm mà còn luôn tận tâm, nhiệt huyết với công việc, với các đối tác và khách hàng. Đó chính là nền tảng quan trọng, đóng góp rất lớn vào sự thành công, uy tín của PSI trong suốt 18 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán và sẽ là động lực để PSI phát triển và lan toả những giá trị bền vững tới cộng đồng trên những chặng đường sắp tới.

Năm 2025, Việt Nam đứng trước vận hội mới, mở ra kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của dân tộc. Trước thời cơ bút phá đầy triển vọng này, PSI cam kết tiếp tục đổi mới từ cốt lõi, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng hoạt động kinh doanh, áp dụng các công nghệ mới và quy trình tối ưu để gia tăng năng suất lao động, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ hai con số (15-20%), đưa quy mô tổng tài sản lên mức 3.000 tỷ đồng trong năm 2025. Đồng thời, PSI cũng sẽ kiên định với tầm nhìn và chiến lược phát triển dựa trên 3 trụ cột: Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), Ngân hàng PVcomBank và các định chế nước ngoài; 2 nền tảng: con người và công nghệ; với một mục tiêu là công ty chứng khoán theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty, Tôi bày tỏ sự tri ân sâu sắc tới Quý vị cổ đông, Khách hàng và Đối tác của PSI vì đã luôn tin tưởng, gắn bó và đồng hành cùng PSI trong suốt chặng đường 18 năm qua và hi vọng rằng chúng ta sẽ tiếp tục hợp tác và chung sức vì sự phát triển lâu dài của PSI.

Xin kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe và thành công!

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



NGUYỄN ANH TUẤN

TẦM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

Công ty chứng khoán hàng đầu hoạt động theo mô hình Ngân hàng Đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.



SỨ MỆNH

Cung cấp dịch vụ, sản phẩm tài chính trên nền tảng ứng dụng công nghệ tiên tiến và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp nhằm mang đến cơ hội đầu tư hiệu quả cho khách hàng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

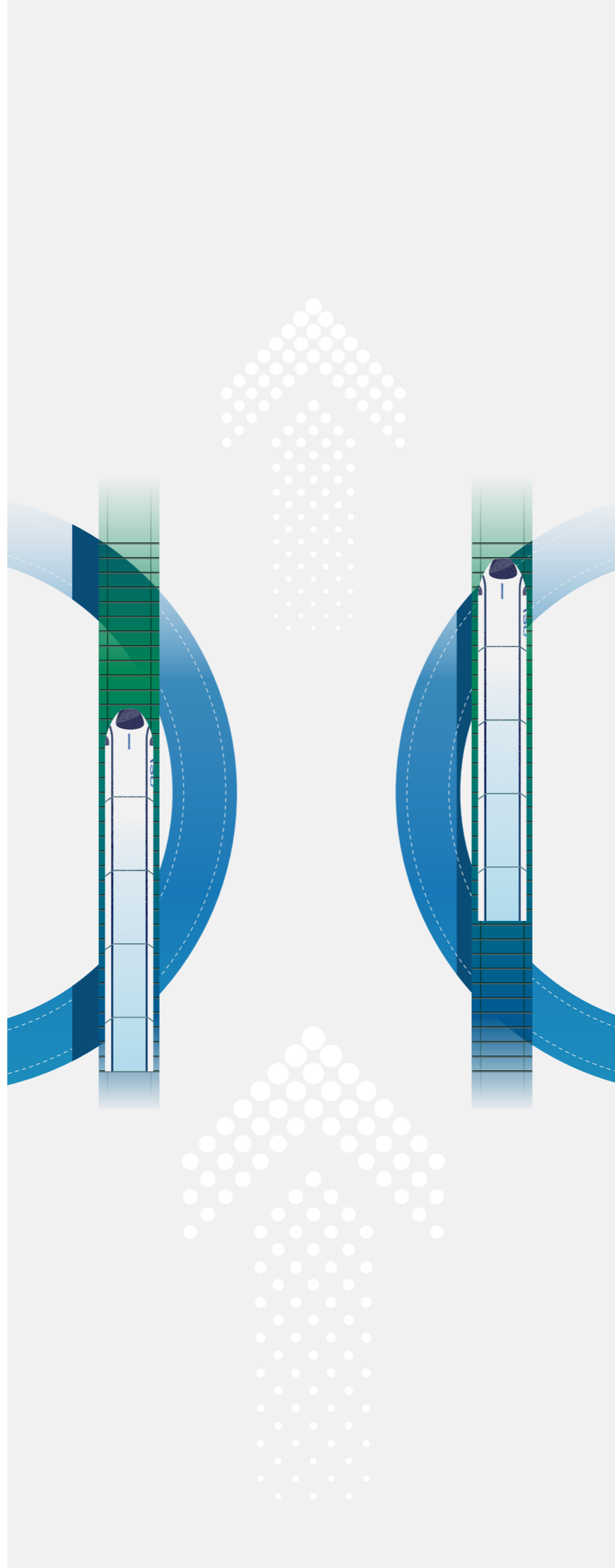
Kiên định mục tiêu chiến lược phát triển trên 3 trụ cột là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Ngân hàng mẹ (PVcomBank), tổ hợp đối tác nước ngoài trên nền tảng công nghệ và con người.

Đặt yếu tố công nghệ làm trọng tâm trong hoạt động quản trị và phát triển sản phẩm phục vụ khách hàng. Ứng dụng các công nghệ hiện đại phù hợp với năng lực tài chính và nhu cầu của khách hàng.

Tận dụng tối đa cơ hội thị trường trên cơ sở quản trị tốt các biến động, bổ sung các động lực phát triển mới đồng thời làm mới các động lực phát triển cũ.

Nguồn nhân lực là tài sản của doanh nghiệp, là trọng tâm trong các chính sách, cơ chế để tạo động lực kinh doanh, thu hút nhân tài.

Nâng cao chất lượng dịch vụ với tinh thần tận tâm cống hiến, đem đến những trải nghiệm tốt nhất cho Khách hàng.



DẤU ẤN 2024



KIỆN TOÀN BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

PSI đã hoàn tất công tác kiện toàn nhân sự cho Ban điều hành Công ty thông qua Quyết định bổ nhiệm Bà Lưu Thị Việt Hà giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.



XẾP HẠNG TÍN NHIỆM BB+

PSI đã được công nhận trong bảng xếp hạng tín nhiệm của FiiRatings ở mức BB+, cao hơn trung bình các doanh nghiệp trong ngành.



THAM GIA HOẠT ĐỘNG TÁI CẤU TRÚC CHỖ PVN

PSI là đơn vị thực hiện gói tư vấn thoái vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) tại 4 doanh nghiệp PVI, PAP, PET, PVE.



TOP 5 NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT VIỆT NAM NĂM 2024 - NHÓM DOANH NGHIỆP VỪA

PSI được vinh danh top 5 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Việt Nam năm 2024 vì chính sách phúc lợi hấp dẫn, môi trường làm việc đa dạng, khuyến khích sự phát triển cá nhân và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.



QUỸ HỌC BỔNG “THẮP SÁNG NIỀM TIN PSI”

PSI thực hiện trao 7 suất học bổng dành cho sinh viên xuất sắc của Trường Kinh tế và Quản lý công - Đại học Kinh tế Quốc dân.

I. THÔNG TIN CHUNG

08 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY

09 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

10 CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ TIÊU BIỂU

12 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

14 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

18 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

20 ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO

24 CÁC RỦI RO



GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY

Tên Công ty bằng Tiếng Anh: PETROVIETNAM SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch: PSI

Tên viết tắt: PV SECURITIES., JSC

Giấy phép hoạt động số: 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2006

Vốn điều lệ: 598.413.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 598.413.000.000 đồng

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Hà Nội Tourist, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024 3934 3888

Số fax: 024 3934 3999

Website: www.psi.vn

Mã cổ phiếu: PSI

2006

Chính thức được cấp phép hoạt động

2009

Thành lập hai chi nhánh mới tại Vũng Tàu và Đà Nẵng

2007

Chính thức đi vào hoạt động và khai trương chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

2010

Tăng vốn điều lệ lên 509,25 tỷ vào tháng 10/2010
Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào tháng 7/2010

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) chính thức đi vào hoạt động ngày **07/02/2007** với Hội sở chính tại **Hà Nội** và 01 Chi nhánh tại **TP. Hồ Chí Minh** với số vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng. Sau 18 năm phát triển, PSI đã bám sát định hướng **3 trụ cột – 2 nền tảng – 1 mục tiêu** để đứng vững trên thị trường, tự chủ trong hoạt động kinh doanh và xây dựng hình ảnh, vị thế mới là Công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.

2011

Tăng vốn điều lệ lên 598,413 tỷ đồng thông qua việc chào bán thành công 14,9% cổ phần cho công ty SMBC Nikko (Nhật Bản)

2022

Top 2 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất 2022
Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được Định chế tài chính đánh giá cao nhất 2022

2024

Top 5 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Việt Nam năm 2024 – Nhóm Doanh nghiệp vừa
Quỹ học bổng “Thắp sáng niềm tin PSI”. PSI thực hiện trao 7 suất học bổng dành cho sinh viên xuất sắc của Trường Kinh tế và Quản lý công – Đại học Kinh tế Quốc dân.

2016

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng (PVcom-Bank) hoàn tất việc mua vào hơn 20,4 triệu cổ phiếu PSI, nâng tỷ lệ sở hữu lên 51,17% vốn điều lệ của PSI

2023

PSI đã được công nhận trong bảng xếp hạng tín nhiệm của FiiRatings ở mức BB+, cao hơn trung bình các doanh nghiệp trong ngành.
Chính thức ra mắt hệ thống giao dịch Trí tuệ nhân tạo (AI) và Trung tâm Giao dịch số

2018

Đầu tư mới phần mềm chứng khoán và hạ tầng công nghệ thông tin.
Khai trương, đi vào hoạt động 03 điểm giao dịch tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ TIÊU BIỂU



Top 10 Công ty chứng khoán
CÓ LỢI NHUẬN CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG
năm 2010



Giải thưởng Công ty có
THƯƠNG VỤ PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ TIÊU BIỂU
(với đối tác Nhật Bản) tại Diễn đàn Mua bán - Sáp nhập doanh nghiệp 2011



Giải thưởng
THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG NHẤT NGÀNH CHỨNG KHOÁN TẠI VIỆT NAM
năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức



Giải thưởng
CÔNG TY TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU
giai đoạn 2009 – 2013 do Diễn đàn M&A 2013 trao tặng



Top 5 Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu trong
NGHIỆP VỤ TƯ VẤN NIÊM YẾT VÀ ĐẤU GIÁ tại
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh năm 2015



TƯ VẤN IPO CHO 3 ĐƠN VỊ LỚN CỦA PVN
(Tổng Công ty Dầu Việt Nam, Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)



Tổ chức thành công sự kiện
“HÀNH TRÌNH NĂNG LƯỢNG”
– chương trình nằm trong hoạt động của Bộ chỉ số PVN Index



Cùng cổ đông chiến lược SMBC Nikko triển khai thành công 2 hợp đồng **TƯ VẤN M&A VỚI MAEDA VÀ STANLEY**



Top 10 công ty chứng khoán có
THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU LỚN NHẤT
năm 2021



Tư vấn thực hiện
M&A CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI
trở thành cổ đông lớn của VPD



Top 3
DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG IR ĐƯỢC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT năm 2022



Tham gia
TƯ VẤN TÁI CẤU TRÚC cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) năm 2024



TƯ VẤN NIÊM YẾT cổ phiếu **CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN** tại HOSE năm 2024



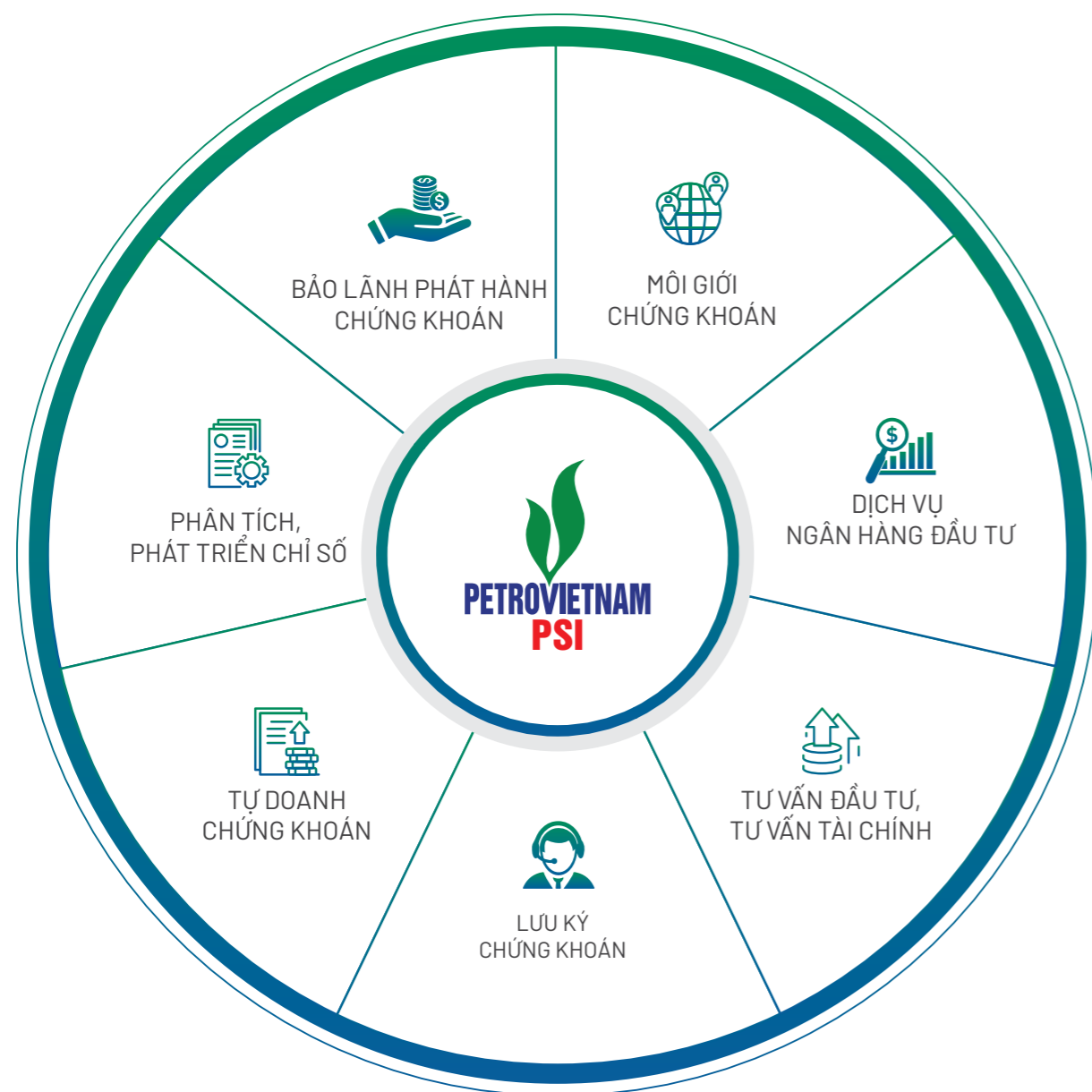
TƯ VẤN THOÁI VỐN THÀNH CÔNG CHO SCIC
năm 2024



Top 5
NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT VIỆT NAM NĂM 2024 - Nhóm Doanh nghiệp vừa do Career Builder bình chọn

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí PSI cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính theo Tiêu chuẩn Quốc tế bao gồm:



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

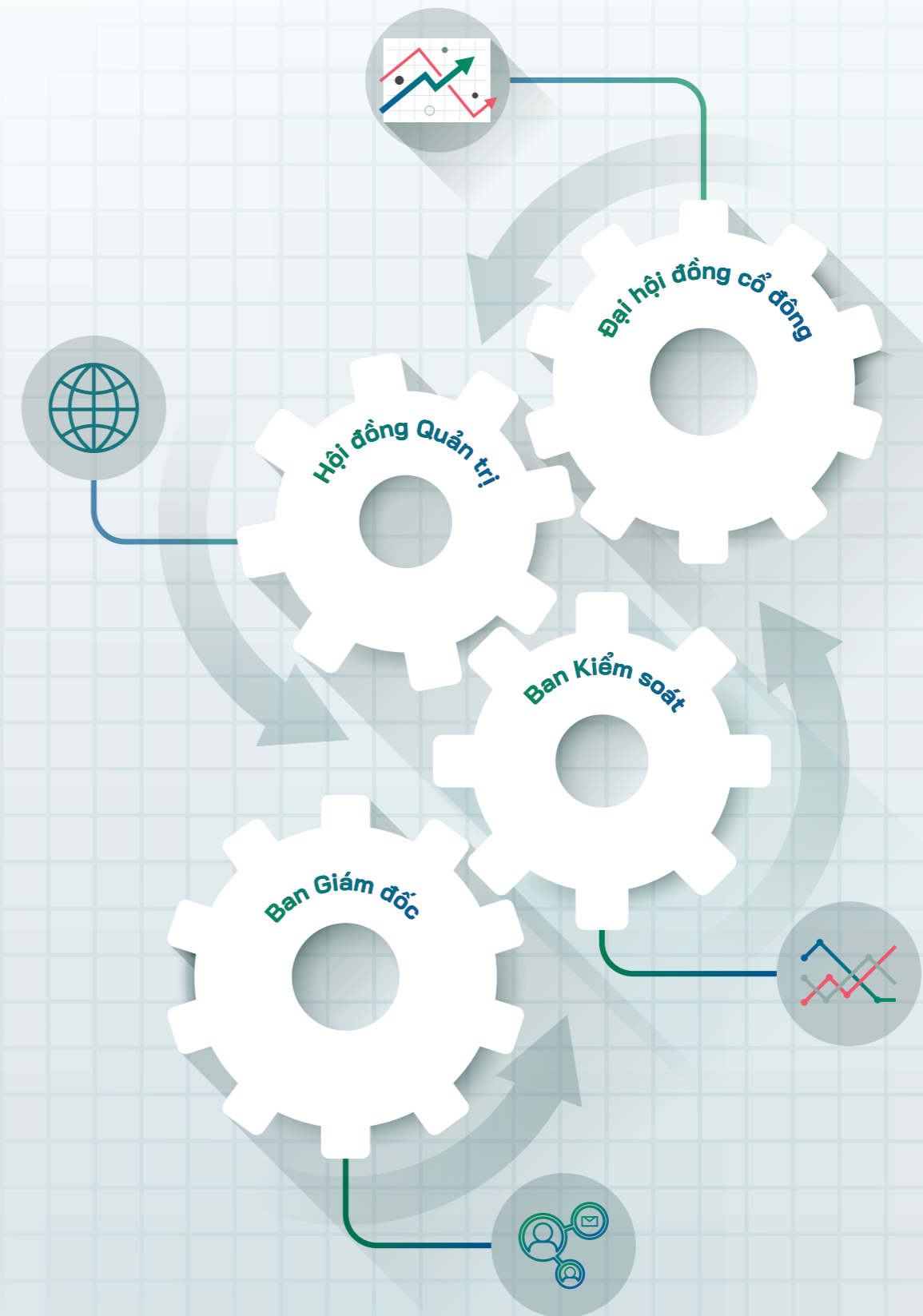
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

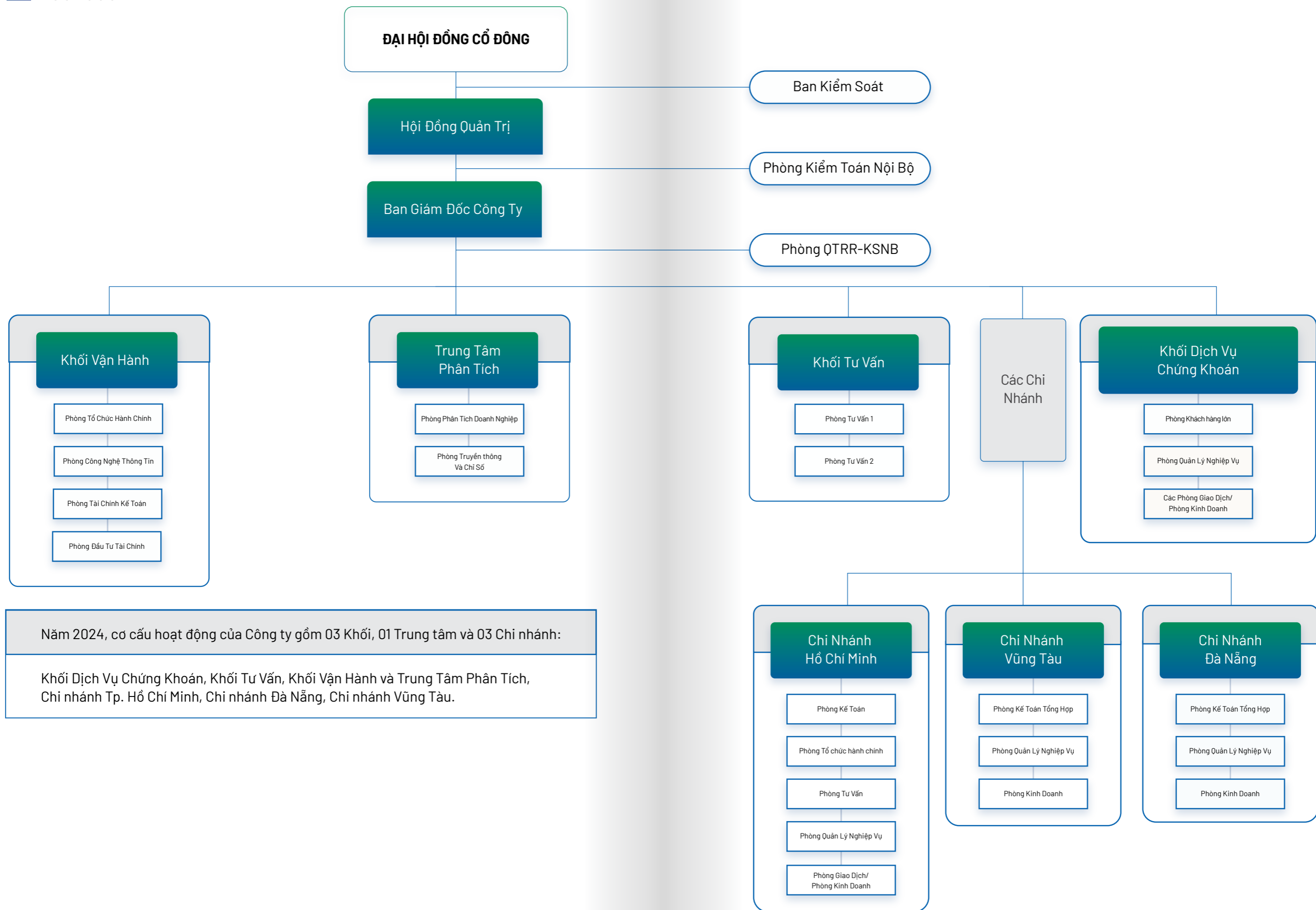
Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất, bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định về việc tăng giảm vốn điều lệ Công ty; quyết định tổ chức và giải thể Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, bao gồm 5 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

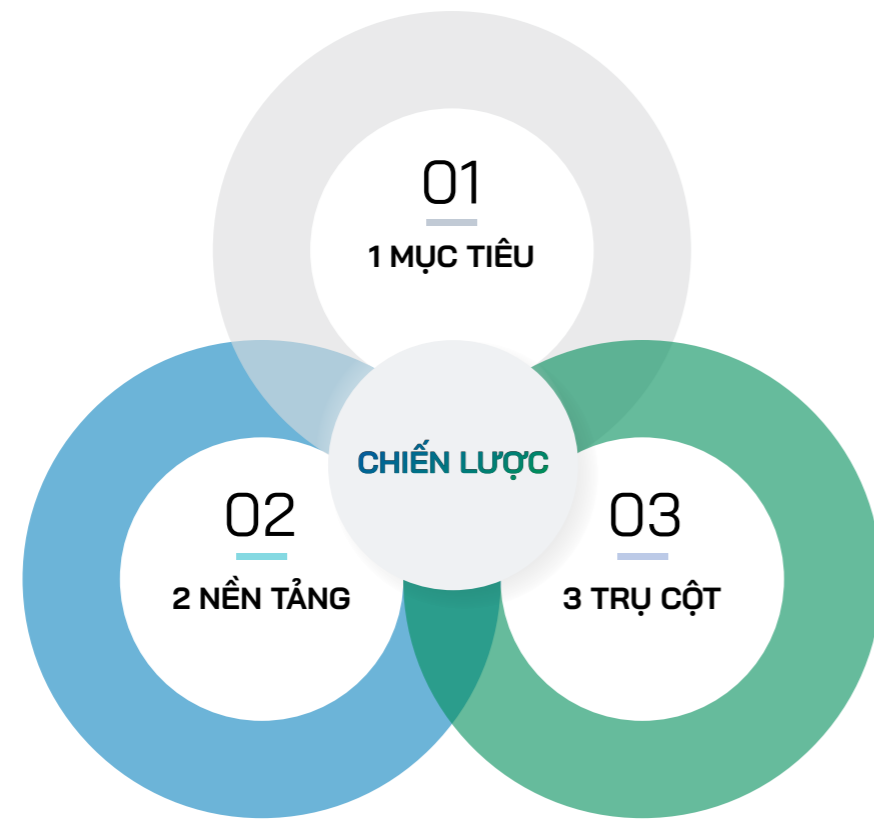
Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông giao thực hiện quyền giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ban Giám đốc Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm bao gồm 02 thành viên: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc.





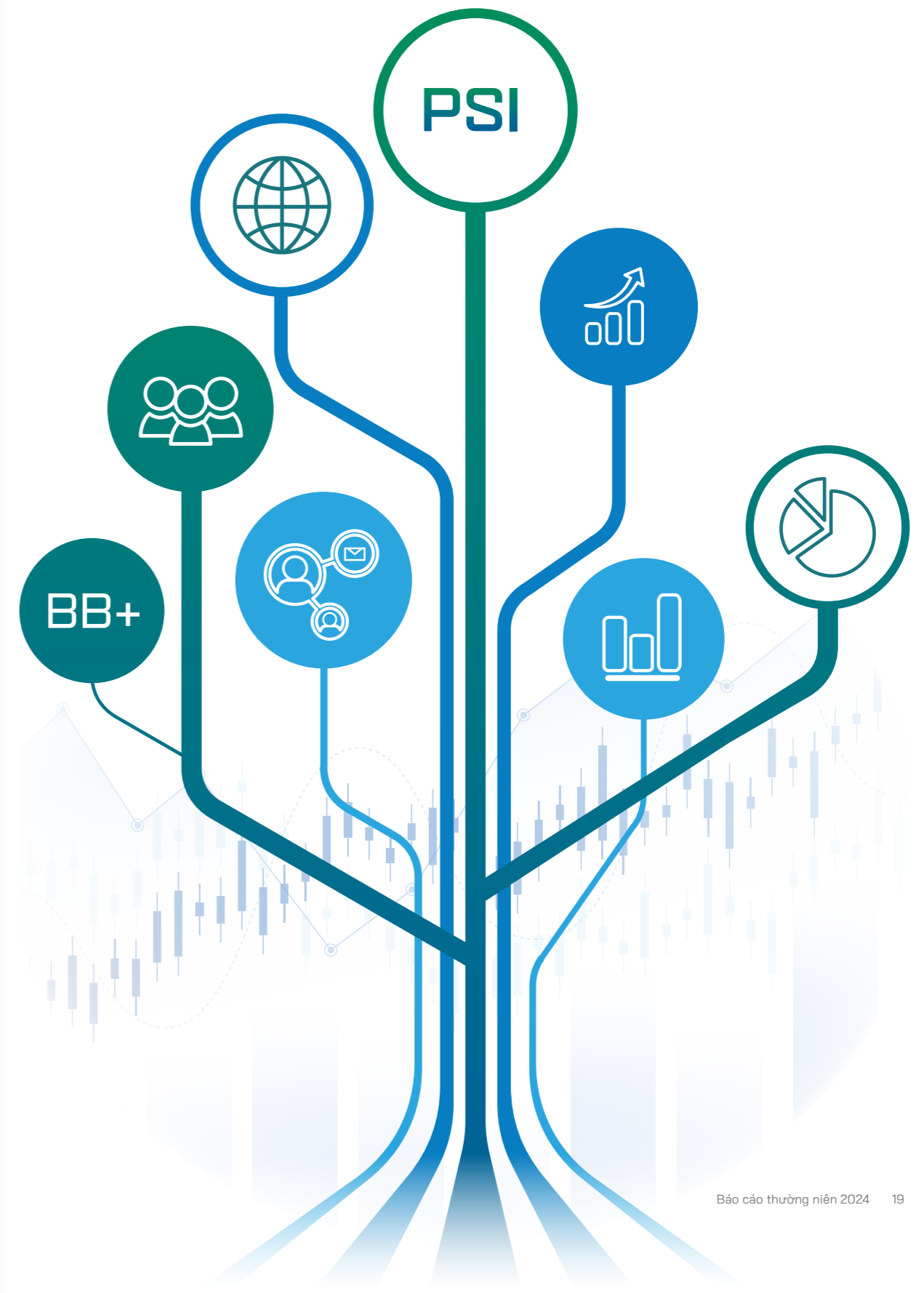
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Định hướng chiến lược của PSI là “3 trụ cột – 2 nền tảng – 1 mục tiêu”, trong đó 3 trụ cột là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), Ngân hàng mẹ PVcomBank, tổ hợp các đối tác nước ngoài; 2 nền tảng là con người và công nghệ; 1 mục tiêu là trở thành công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng Đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.

Với định hướng đó, PSI đã xây dựng một hệ thống khách hàng thân thiết bao gồm những Tập đoàn, Doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và khách hàng nước ngoài. PSI cũng sở hữu hệ thống môi giới mạnh tại Hà Nội, TP. HCM, Vũng Tàu, Đà Nẵng và đội ngũ nhân sự chất lượng, tâm huyết, gắn bó với công ty.

Cùng với việc ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất, PSI đã xây dựng hệ sản phẩm đa dạng, linh hoạt, tối ưu lợi ích sử dụng vốn của khách hàng, giúp khách hàng có hành trình đầu tư bền vững và hiệu quả.



ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



BÀ PHAN QUỲNH NGÀ

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, chứng khoán



ÔNG TRỊNH THẾ PHƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Thạc sỹ Luật, Luật sư
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



BÀ HỒ VIỆT HÀ

Thành viên Hội đồng quản trị

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



ÔNG TRẦN TUẤN ANH

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



BAN GIÁM ĐỐC

BÀ PHAN QUỲNH NGA

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính,
chứng khoán



BÀ LƯU THỊ VIỆT HÀ

Phó Giám Đốc Công ty

Cử nhân Kinh tế
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính



ÔNG NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Phó Giám Đốc

Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
Hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính

BÀ PHẠM THỊ VÂN

Phụ trách Kế toán

Cử nhân Kế toán
Hơn 20 năm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính,
chứng khoán

BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG

Phụ trách Kế toán

Cử nhân kế toán
23 năm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính,
Chứng khoán

BAN KIỂM SOÁT

BÀ NGUYỄN THỊ AN

Trưởng Ban Kiểm soát

Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán



BÀ NGUYỄN THỊ THU

Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Tài chính đầu tư
Gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính



ÔNG BÙI THẾ ANH

Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Tài chính đầu tư
Gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới 2025 đối mặt với rủi ro từ cuộc Chiến tranh thương mại 2.0 với những căng thẳng leo thang liên tiếp giữa Mỹ, Trung Quốc, Canada, Mexico ngay sau khi Tân Tổng thống Mỹ Donald Trump nhậm chức ngày 20/01/2025. Việt Nam, với tư cách là quốc gia có thặng dư thương mại lớn thứ 3 với Mỹ cũng phải đối diện với nguy cơ chịu các mức thuế quan cao hơn đối với một số mặt hàng xuất khẩu. Chiến tranh thương mại nếu diễn tiến xa và toàn diện sẽ làm giảm giá trị thương mại toàn cầu, từ đó khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại. Bên cạnh đó, Chiến tranh thương mại cũng sẽ khiến cho giá cả hàng hoá cao hơn do phải chịu mức thuế quan nặng nề và làm gia tăng lo ngại về tỷ lệ lạm phát tại Mỹ. Điều này đồng nghĩa với việc FED sẽ thận trọng hơn trong các quyết định cắt giảm lãi suất tiếp theo. Các nhà kinh tế dự báo lộ trình cắt giảm lãi suất của FED sẽ chậm lại và lãi suất FED tới cuối năm 2025 sẽ nằm trong khoảng 3,5% - 4%, cao hơn 25-50 điểm cơ bản so với những dự báo trước đó. Cả Trung Quốc và Mỹ đều đang đề xuất và triển khai những gói tài khoá khổng lồ để hạn chế tác động từ cuộc chiến tranh thương mại. Bên cạnh đó, các quốc gia vẫn đang thể hiện những nỗ lực thương lượng và đàm phán. Như vậy, năm 2025 có thể sẽ là một năm khó đoán với nhiều rủi ro của kinh tế vĩ mô thế giới.



Rủi ro về lạm phát

Lạm phát Việt Nam năm 2025 sẽ chịu nhiều áp lực hơn trong bối cảnh Việt Nam hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 8% và tăng trưởng tín dụng có thể trên 16%, tương đương với việc bơm gần 3,7 triệu tỷ đồng vào nền kinh tế. Sau nhiều năm tăng trưởng cung tiền tương đối thấp, áp lực từ tăng trưởng cung tiền sẽ khiến lạm phát năm 2025 tăng nhanh hơn.



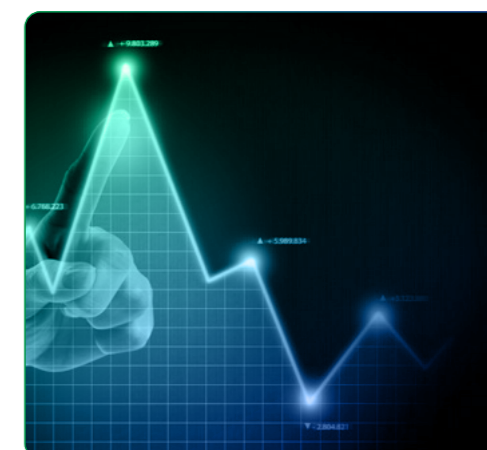
Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Do tăng trưởng cung tiền nhanh hơn, áp lực tỷ giá cũng sẽ trở nên nặng nề trong năm 2025. Thêm vào đó, việc Việt Nam có thặng dư thương mại lớn với Mỹ có thể khiến Việt Nam bị đưa vào danh sách quan sát và điều tra thao túng tiền tệ nếu Ngân hàng Nhà nước can thiệp mạnh tay để giữ tỷ giá VND/USD ổn định. Vì vậy, chúng tôi cho rằng tỷ giá VND/USD sẽ tăng nhanh hơn trong năm 2025 làm gia tăng rủi ro dòng vốn ngoại chảy khỏi Việt Nam, gây lỗ tỷ giá cho khoản vay hoặc thanh toán bằng ngoại tệ.



Rủi ro về lãi suất

Mặt bằng lãi suất hiện vẫn ở mức thấp. Bình quân lãi suất các khoản vay mới trong năm 2024 đã giảm 0,59%/năm so với năm trước trong khi lãi suất huy động bình quân lại tăng 0,71%. Bước sang năm 2025, mặt bằng lãi suất cả huy động và cho vay sẽ tăng nhẹ để duy trì và cải thiện hiệu quả hoạt động tín dụng của các Ngân hàng thương mại và nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp và cá nhân được dự báo sẽ tăng cao, đặc biệt là đối với nhóm ngành xây dựng, bất động sản, sản xuất hàng xuất khẩu và cho vay tiêu dùng. Dù vậy, với mục tiêu kích thích tăng trưởng, nhiều khả năng, lãi suất cho vay vẫn sẽ tương đối thấp và tạo cơ hội cho dòng tiền tiếp tục tìm kiếm lợi nhuận ở các kênh đầu tư đem lại lợi suất cao hơn như chứng khoán. Ngược lại, môi trường lãi suất thấp cũng sẽ khiến cho hoạt động Nguồn vốn như đầu tư vào các giấy tờ có giá, trái phiếu của Công ty chứng khoán không mang lại hiệu quả cao.



Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp lý là rủi ro khó đo lường nhưng có thể được kiểm soát thông qua giám sát chặt chẽ và cập nhật nhanh chóng, đầy đủ những thay đổi về chính sách, quy định trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Trong năm 2024, để hiện thực hóa mục tiêu nâng hạng thị trường sớm nhất vào năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam dự kiến sẽ phải trải qua nhiều thay đổi trong quy định về minh bạch thông tin, giao dịch ký quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài,... Các quy định trên dự kiến sẽ được Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện và áp dụng ngay từ năm 2024. Những thay đổi về chính sách, quy định yêu cầu các Công ty phải tuân thủ kịp thời để tránh những vi phạm pháp luật và bị xử phạt vi phạm, gây ảnh hưởng xấu tới hình ảnh và uy tín của Công ty trong mắt đối tác và khách hàng.



Rủi ro về cạnh tranh

Hiện nay, môi giới khách hàng cá nhân được xem là mảng kinh doanh trọng yếu khi các nhà đầu tư cá nhân chiếm hơn 85% tổng giá trị giao dịch hàng ngày trên thị trường. Đặc biệt trong bối cảnh thị trường đối mặt với những biến động, nhiều nhà đầu tư rời bỏ thị trường, sự cạnh tranh ở mảng kinh doanh này ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Các Công ty Chứng khoán (CTCK) dùng nhiều cách để tăng được thị phần và chiếm lĩnh số tài khoản mở mới (cạnh tranh về ưu đãi khi mở tài khoản, tăng cường số lượng môi giới hoặc dùng tập hợp khách sẵn có nếu như có ngân hàng mẹ là chủ sở hữu...). Đồng thời, tăng cường tương tác để khách hàng tăng quy mô NAV, giữ chân khách hàng và tăng cường các sản phẩm bán chéo như chứng chỉ quỹ, chứng chỉ tiền gửi.... Song song với các hoạt động trên, các CTCK cũng duy trì việc đầu tư vào hệ thống phân tích và lưu trữ dữ liệu khách hàng, hành vi mua bán để có thể bán chéo tự động một cách hiệu quả trong tương lai.



Rủi ro về nhân lực

Năm 2024, PSI được vinh danh trong Top 5 Nhà tuyển dụng yêu thích nhất bởi Career Builder Khối doanh nghiệp vừa. Đảm bảo chế độ lương thưởng, phúc lợi, cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe người lao động và đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp là những yếu tố cơ bản để Công ty thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao và gắn bó với Công ty. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu phát triển các dịch vụ, sản phẩm mới, đặc biệt là đối với những sản phẩm ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo vào hoạt động tư vấn và khuyến nghị đầu tư, Công ty phải tăng cường tìm kiếm nhân sự có năng lực chuyên môn phù hợp không chỉ trong ngành Tài chính mà còn trong lĩnh vực Công nghệ.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

30	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
32	NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH
33	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
34	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

36	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
37	YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG
41	VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

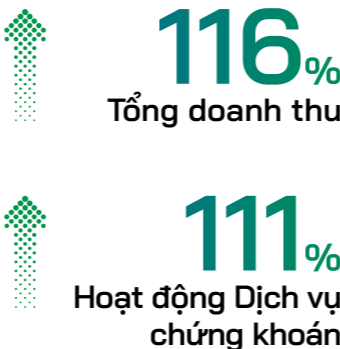


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến mức tăng theo năm khá tích cực, thanh khoản thị trường đã cải thiện đáng kể với giá trị giao dịch trên sàn HOSE tăng 22,4% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh của ngành chứng khoán nói chung cũng có một số thay đổi mang tính tích cực và hướng tới sự minh bạch sau khi các Cơ quan quản lý ban hành các quy định pháp luật mới như Thông tư 68, Luật Chứng khoán sửa đổi.

Trước những biến động của thị trường, PSI đã nỗ lực để mở rộng quy mô, ứng biến linh hoạt với những thay đổi trong môi trường kinh doanh để đáp ứng các nhu cầu của các Khách hàng, Đối tác và đạt được kết quả kinh doanh năm 2024 như sau:



ĐVT: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	THỰC HIỆN 2024	KẾ HOẠCH 2024	TỶ TRỌNG TH/ KH 2024
I	Tổng doanh thu	347,3	300	116%
1	Hoạt động Dịch vụ chứng khoán	216,2	195	111%
1.1	Môi giới chứng khoán	49,5	60	83%
1.2	Lưu ký chứng khoán	7,9	7	113%
1.3	Dịch vụ tài chính	141,5	125	113%
1.4	Doanh thu khác	17,3	3	577%
2	Hoạt động đầu tư, nguồn vốn	116,5	88	132%
3	Hoạt động tư vấn	10,7	14	76%
4	Hoạt động tài chính	2,2		
5	Thu nhập khác	1,6		
II	Tổng chi phí	313,2	263	119%
III	Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	34,2	37	92%
IV	Lợi nhuận sau thuế	25,9	21	123%

Nguồn: Báo cáo tài chính PSI

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam đã đi ngang trong gần ¾ thời gian của năm với khối lượng giao dịch chỉ tương đương với cùng kỳ. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường tính theo giá trị giao dịch đã tăng 22,4% so với năm trước và thị trường đã chứng kiến những nhịp tăng mạnh. Trong bối cảnh thị trường như vậy, PSI đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng khích lệ với tổng doanh thu tăng 15% so với cùng kỳ và đạt 116% kế hoạch 2024. Cụ thể:

Hoạt động dịch vụ chứng khoán đóng góp chính vào tổng doanh thu đạt 216,2 tỷ đồng (đạt 111% kế hoạch). Trong đó, doanh thu môi giới chứng khoán đạt 49,5 tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch; lưu ký chứng khoán đạt 7,9 tỷ đồng, đạt 113% kế hoạch; và dịch vụ tài chính đạt 141,5 tỷ đồng, vượt 13% so với kế hoạch.

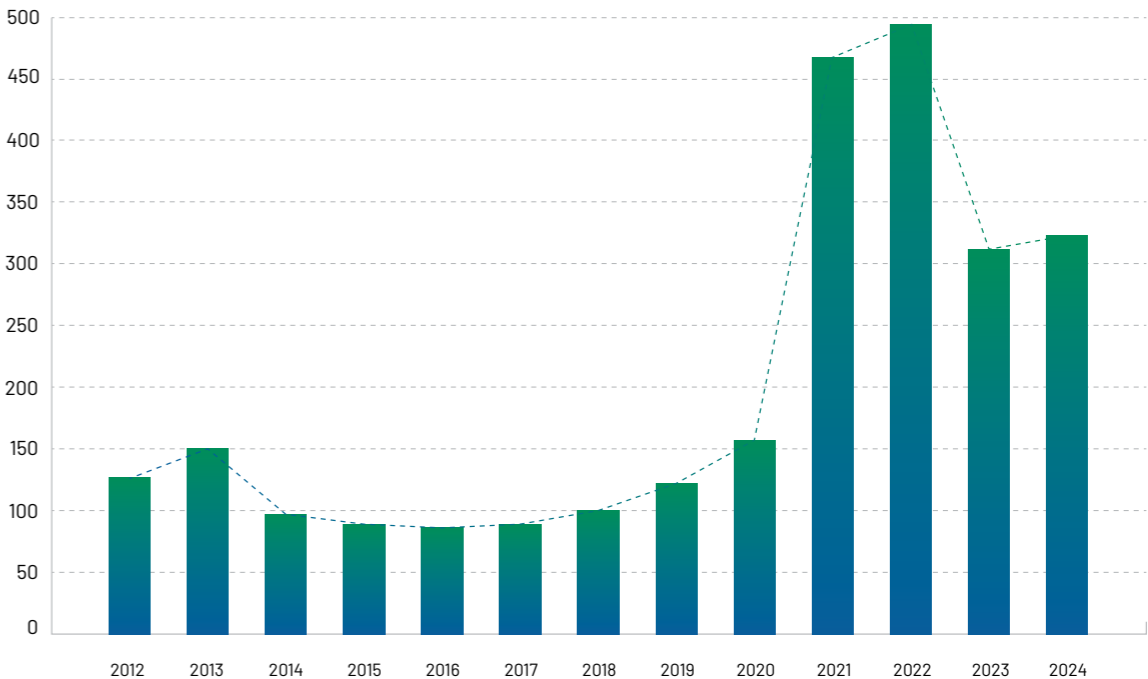
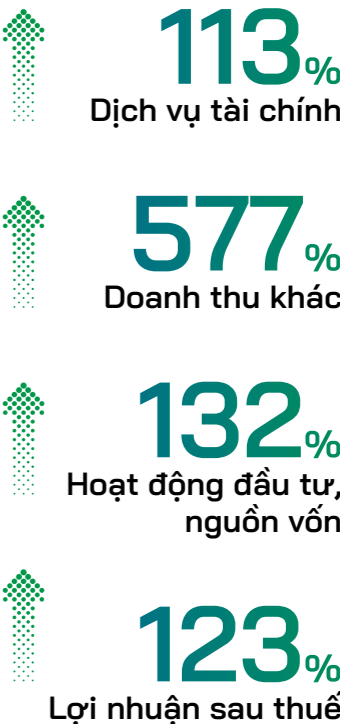
Doanh thu từ hoạt động đầu tư, nguồn vốn đạt 116,5 tỷ đồng, vượt kế hoạch tới 32%, đóng góp lớn vào tăng trưởng chung của Công ty.

Hoạt động tư vấn chiếm tỷ trọng nhỏ, với doanh thu 10,7 tỷ đồng, đạt 76% so với kế hoạch.

Tổng chi phí hoạt động năm 2024 chiếm 313,2 tỷ đồng, cao hơn 19% so với kế hoạch, phản ánh sự mở rộng hoạt động, gia tăng chi phí nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh trong tương lai.

Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập đạt 34,2 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch năm

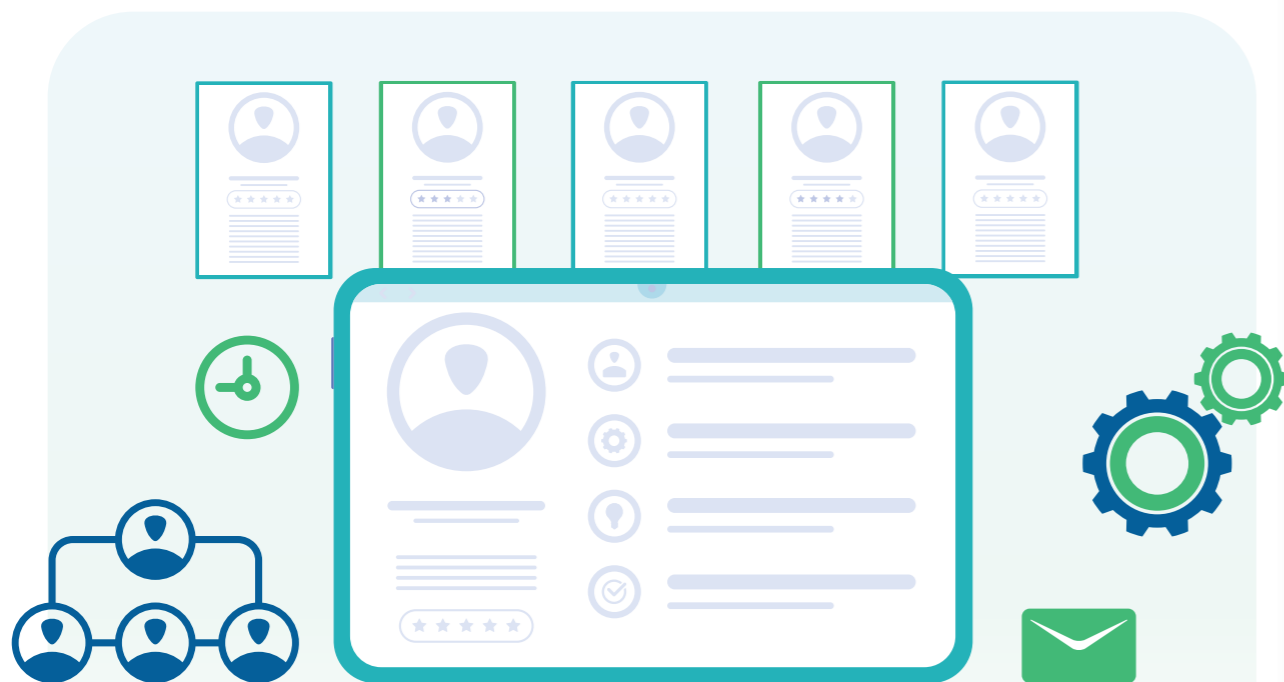
Lợi nhuận sau thuế đạt 25,9 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch năm 2024. Năm 2024, PSI đã duy trì được đà tăng trưởng tích cực về quy mô tài sản và doanh thu, hiệu quả hoạt động được đảm bảo mặc dù đối mặt với áp lực chi phí gia tăng.



Tổng Doanh thu năm 2024 đạt 347,3 tỷ đồng hoàn thành 116% kế hoạch năm

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

- Không bổ nhiệm lại đối với ông Nguyễn Mạnh Cường từ ngày 27/02/2024 theo TB số 03/TB-CKDK ngày 19/03/2024.
- Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với bà Lưu Thị Việt Hà từ ngày 11/09/2024 theo QĐ số 33/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 11/09/2024.
- Thôi giao nhiệm vụ phụ trách kế toán đối với bà Phạm Thị Vân từ ngày 01/04/2024 theo QĐ số 12/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 01/04/2024
- Giao nhiệm vụ phụ trách kế toán đối với bà Nguyễn Thị Hồng từ ngày 01/04/2024 theo QĐ số 13/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 01/04/2024.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Đối với hoạt động đầu tư mới

Các hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong năm 2024 được xây dựng phương án đầu tư trên cơ sở phân tích dự báo tình hình thị trường và kinh tế trong, ngoài nước. Các cơ hội đầu tư đều được đánh giá độc lập bởi Trung tâm Phân tích PSI nhằm đảm bảo sự an toàn trong danh mục đầu tư và hạn chế những rủi ro từ các yếu tố thị trường. Thông qua các phương án đầu tư đã được kiểm định, PSI đánh giá và triển khai các cơ hội đầu tư phù hợp trong từng thời điểm giải ngân. Trong năm, PSI đã thực hiện đầu tư vào các sản phẩm tài chính có nền tảng tốt, mang lại nguồn lợi tức ổn định.



Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư

Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh Đạo Công ty tiếp tục tập trung vào nhiệm vụ cơ cấu lại danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, giảm tỷ lệ đầu tư chứng khoán chưa niêm yết xuống tỷ lệ theo đúng quy định. Mặt khác, trong năm 2024, PSI kiện toàn nhân sự quản lý danh mục đầu tư nhằm tăng cường vai trò giám sát, quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bộ phận chức năng đã chủ động liên hệ với các doanh nghiệp để cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo định kỳ hàng tháng. Bên cạnh những hoạt động nắm bắt và hỗ trợ doanh nghiệp, PSI tích cực tìm kiếm các cơ hội thoái vốn các khoản đầu tư trong danh mục để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của PSI.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2024, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) ghi nhận sự cải thiện tích cực về tổng tài sản và doanh thu thuần so với năm 2023. Cụ thể như sau:

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm	
	2024	2023
Tổng giá trị tài sản	2.599	2.254
Doanh thu thuần	347,3	301,6
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33,7	30,6
Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	34,2	30,8
Lợi nhuận sau thuế	25,9	24,5
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		
Lợi nhuận còn lại của năm	25,9	24,5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán PSI

- ✓ Doanh thu thuần đạt 347,3 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm ngoái.
- ✓ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 33,7 tỷ đồng, tăng 10,34% so với năm trước.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập là 34,2 tỷ đồng.
- ✓ Lợi nhuận sau thuế đạt 25,9 tỷ đồng, tăng trưởng 5,7% so với năm 2023.
- ✓ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần duy trì ở mức 7,5%, cho thấy hiệu quả kinh doanh ổn định.

347,3
Tỷ đồng
Doanh thu thuần

25,9
Tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm		Ghi chú
	2024	2023	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,40	1,46	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,40	1,46	Không có hàng tồn kho
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,73	0,70	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,67	2,30	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	13,36%	13,38%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,46%	8,11%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,66%	3,58%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,00%	1,08%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	7,46%	8,11%	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán PSI

Tình hình tài chính 2024

- ✓ Hệ số thanh toán ngắn hạn duy trì ở mức an toàn đạt 1,4 lần, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn.
- ✓ Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng nhẹ lên 0,73 (so với 0,70 năm 2023), phản ánh công ty có sử dụng tăng nợ vay nhưng vẫn trong mức kiểm soát an toàn.
- ✓ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 2,67 lần, cao hơn năm trước, tuy nhiên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ từ 3,58% lên 3,66% cho thấy hiệu quả sử dụng đòn bẩy tài chính vẫn đảm bảo.

0,73
Hệ số nợ/Tổng tài sản

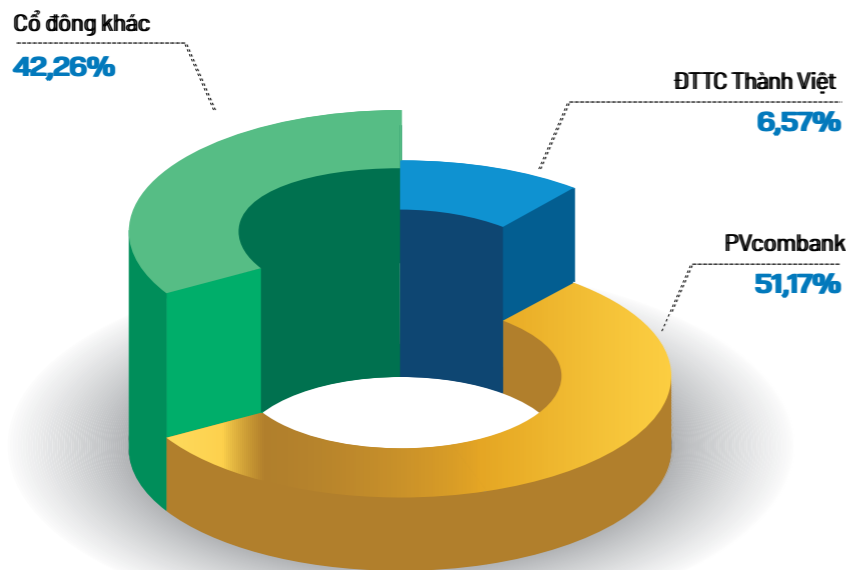
2,67
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Số cổ phần đang lưu hành	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



STT	Tên cổ đông	Vốn góp tại 31/12/2024			Ghi chú
		Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỉ lệ	
1	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	30.622.674	306.226.740.000	51,17%	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thành Việt	3.931.200	39.312.000.000	6,57%	
3	Các cổ đông khác	25.287.426	252.874.260.000	42,26%	
	Cộng	59.841.300	598.413.000.000	100%	

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

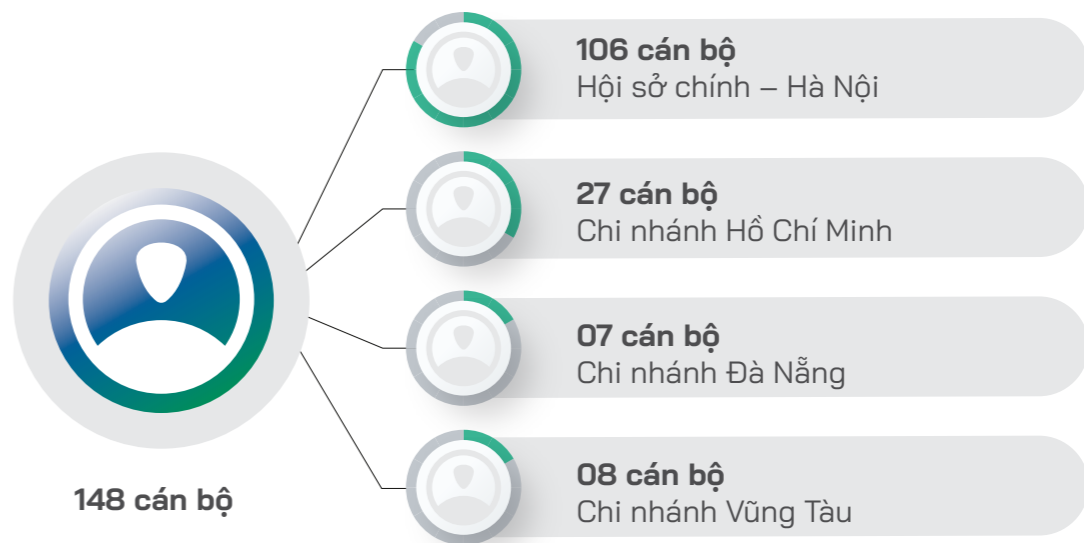
Phát huy tối đa nền tảng công nghệ tiên tiến của hệ thống phần mềm chứng khoán được Công ty Okasan Information System (OIS) - Nhật Bản phát triển.

Năm 2024 PSI tiếp tục phát hành các phiên bản ứng dụng giao dịch, nâng cấp bổ sung tính năng mang đến trải nghiệm tốt cùng nhiều tiện ích dành cho khách hàng. Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư triển khai với những giải pháp công nghệ hiện đại, tăng cường khả năng mở rộng linh hoạt. Hệ thống giao dịch luôn đạt sự ổn định, an toàn, đáp ứng tính sẵn sàng cao với sự phát huy hiệu quả trong việc khai thác sử dụng dịch vụ Trung tâm dữ liệu chuyên nghiệp đạt các tiêu chuẩn Quốc tế (ISO 9001:2001 và ISO 27001. DC tiêu chuẩn Tier 3 – TIA942).

Đối mặt mới thách thức lớn cũng là vấn đề nổi cộm của năm 2024 về An toàn thông tin trong giao dịch chứng khoán trực tuyến, PSI đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, kết hợp khai thác và sử dụng dịch vụ của những đơn vị An ninh mạng có uy tín tại Việt Nam. Từ đó nâng cao khả năng bảo vệ an toàn hệ thống, giảm các nguy cơ ảnh hưởng tới nền tảng giao dịch cung cấp tới khách hàng.

NGUỒN NHÂN LỰC

Tính đến 31/12/2024, tổng số lượng cán bộ nhân viên công ty là 148 cán bộ, trong đó:



1.1.1. Chính sách đãi ngộ, tuyển dụng nhân tài

Chính sách tuyển dụng:	Chính sách đào tạo:	Chính sách đãi ngộ:
Mục tiêu chính sách tuyển dụng của công ty là thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên năng lực chung, năng lực chuyên môn và tố chất cá nhân phù hợp văn hóa Công ty và vị trí công việc của ứng viên.	Chính sách đào tạo hàng năm nhằm phát triển năng lực cho mọi cấp bậc nhân viên. Công ty đã chú trọng đào tạo hội nhập, đào tạo kỹ năng tin học văn phòng, đào tạo chứng chỉ chuyên môn và kỹ năng làm việc khác. Hình thức đào tạo được thực hiện dưới dạng đào tạo bên ngoài (trong và nước ngoài) và bên trong (huấn luyện/đào tạo tại chỗ bởi đội ngũ quản trị viên – giảng viên nội bộ).	Trong năm 2024, Công ty thực hiện các nguyên tắc và phương án chi trả lương gắn với hiệu quả công việc của từng Đơn vị và cá nhân, góp phần cho sự phát triển ổn định của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng phối hợp với Đơn vị tư vấn để xây dựng chính sách lương thưởng công bằng, phù hợp với các biến động của thị trường.

- Mục tiêu hướng tới:
- ✓ Trả công xứng đáng trên cơ sở năng lực, phẩm chất và hiệu quả công việc của người lao động;
 - ✓ Duy trì đội ngũ nhân lực giỏi, tận tâm;
 - ✓ Hấp dẫn đội ngũ lãnh đạo có năng lực xuất sắc và phẩm chất tốt;
 - ✓ Khuyến khích người lao động tự hoàn thiện bản thân phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển của Công ty;
 - ✓ Gắn kết sự thành đạt của cá nhân với thành công của Công ty.
 - ✓ Ngoài ra, Công ty đang thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo Luật Lao động;
 - ✓ Thực hiện các hình thức phúc lợi bổ sung như bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
 - ✓ Các hình thức đãi ngộ phi vật chất khác giúp xây dựng và định hình nét văn hóa riêng đặc sắc của công ty như: Team Building, ngày thành lập Công ty, ngày Quốc tế phụ nữ, 20/10,...



1.1.2. Sức khỏe, đời sống người lao động của Công đoàn PSI



Công tác chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động

- a) Tham mưu, tham gia xây dựng, triển khai, giám sát thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động:
Tổ chức Tổng kết hoạt động Công Đoàn 2023, Hội nghị Người lao động 2024. Tham gia đóng góp ý kiến trong Hội đồng Lương, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Tổ Tư vấn Lương;
- b) Chăm lo đời sống vật chất:
Thanh toán chế độ chính sách cho cán bộ PSI theo từng Quý: sinh nhật, thăm hỏi, hiếu hỉ... Ban Chính sách Xã hội thực hiện tổng hợp danh sách trong cuối mỗi quý, thực hiện kiểm tra, chi trả cho người lao động trong tháng tiếp theo.
Tổ chức, tham gia các hoạt động hiếu, hỉ nội bộ của đơn vị: BCH Công đoàn thực hiện ứng trước các trường hợp thăm hỏi, động viên cán bộ, thân nhân cán bộ trong các trường hợp phải nằm viện điều trị. Việc hiếu hỉ của cán bộ được đầu mối Công đoàn thông báo bằng email, BCH Công đoàn hoặc đại diện luôn cố gắng sắp xếp thời gian để tham gia động viên công đoàn viên;
Chi khuyến khích cho toàn thể người lao động Tết Âm lịch;
Phối hợp cùng phòng TCHC điều chỉnh chính sách bảo hiểm khám chữa bệnh đối với CBNV, đảm bảo phù hợp, tránh lãng phí. Tái tục hợp đồng Bảo hiểm khám chữa bệnh với Bao Viet Health Care, hỗ trợ cán bộ công ty đăng ký gói bảo hiểm cho thân nhân.



Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng

- Năm 2024, Công đoàn PSI tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hướng dẫn của Công đoàn PVcomBank, Công đoàn Dầu khí;
Năm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng CBNV, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của CBNV: thực hiện đầy đủ và kịp thời khi người lao động gặp khó khăn, vướng mắc;
Công đoàn thực hiện giới thiệu các quần chúng/thanh niên ưu tú tham gia các lớp Cảm tình Đảng, hướng dẫn hỗ trợ để các đồng chí thanh niên có cơ hội đứng trong hàng ngũ của Đảng.



Công tác nữ công

Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03: tổ chức tặng quà cán bộ nữ tại Hà Nội và chi hỗ trợ đối với các Chi nhánh, tổ chức meeting chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam đầm ấm, trang trọng;
Tổ chức cuộc thi tài năng PSI nhí, chấm điểm, trao giải cho các tác phẩm có chất lượng cao;



Công tác từ thiện, an sinh xã hội

Tham gia chương trình hiến máu “Giọt xuân hồng” tại PVcomBank Hội Sở.
Thực hiện đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội tại địa bàn khi có các chương trình vận động;



Công tác Văn hoá văn nghệ, Thể dục thể thao

Tham gia đầy đủ các hoạt động trong chuỗi sự kiện chào mừng Ngày hội Văn hóa PVcomBank 2024: Giải ba bóng đá Nam, chạy bộ online, đi bộ toàn Hàng;
Đóng góp cho hoạt động, tổ chức của Đội bóng đá PSI, hỗ trợ chi phí duy trì sinh hoạt của Đội bóng. Phối hợp tổ chức các buổi giao lưu nội bộ cùng đội bóng đá Nam;
Lực lượng cán bộ Đoàn Thanh niên đông đảo, nhiệt huyết là đầu mối phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động phong trào của Công ty, các hoạt động văn hóa quần chúng trong các dịp Lễ, Tết tại Công ty.



Công tác theo dõi, đánh giá và đề xuất thi đua khen thưởng công đoàn

Thực hiện theo dõi hoạt động phong trào và đề xuất khen thưởng cá nhân tích cực trong hoạt động Công đoàn. Hàng năm đều có đánh giá, động viên cán bộ có đóng góp cho các hoạt động phong trào của Công ty.



VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

Văn hóa dầu khí

Khát vọng và nhiệt huyết là giá trị nổi bật trong văn hóa dầu khí, được xây dựng và bồi đắp suốt 60 năm phát triển của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, gắn liền với hình ảnh “những người đi tìm lửa”. Đây là giá trị được PSI – công ty thành viên của PVN luôn gìn giữ và phát huy. Khát vọng của PSI là khẳng định vị thế và bản sắc riêng trên thị trường: Một Ngân hàng đầu tư tập trung vào lĩnh vực công nghiệp năng lượng.

Nét riêng trong Văn hóa PSI



Sự cần mẫn kiên trì của người làm nghề dịch vụ tài chính



Sự năng động, nhạy bén của người làm ngành chứng khoán



Đoàn kết, hỗ trợ giữa các thành viên

Các giải pháp của PSI để xây dựng văn hóa doanh nghiệp: (1) Phát triển môi trường làm việc cởi mở, tạo điều kiện phát huy năng lực và mở ra cơ hội phát triển cho mỗi cá nhân (2) Thúc đẩy hoạt động truyền thông nội bộ để làm cầu nối giữa tiếng nói của Ban lãnh đạo với người lao động, giúp 2 bên thấu hiểu nhau, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và gắn kết các nhân sự, truyền tải tình yêu doanh nghiệp, tạo nên sức mạnh tập thể.

Tại PSI, con người là một trong 2 nền tảng và luôn được xem là tài sản trân quý nhất. Ban lãnh đạo tâm niệm “công ty là ngôi nhà thứ 2”, cần tạo dựng môi trường lành mạnh, công bằng, tạo động lực phấn đấu và phát huy khả năng của mỗi cá nhân, giúp cán bộ nhân viên yên tâm công tác và luôn mang trong mình niềm tự hào khi là thành viên của Công ty. Chính sách thu nhập tại PSI luôn tương xứng với những gì CBNV cống hiến và đời sống tinh thần luôn được đặc biệt quan tâm.

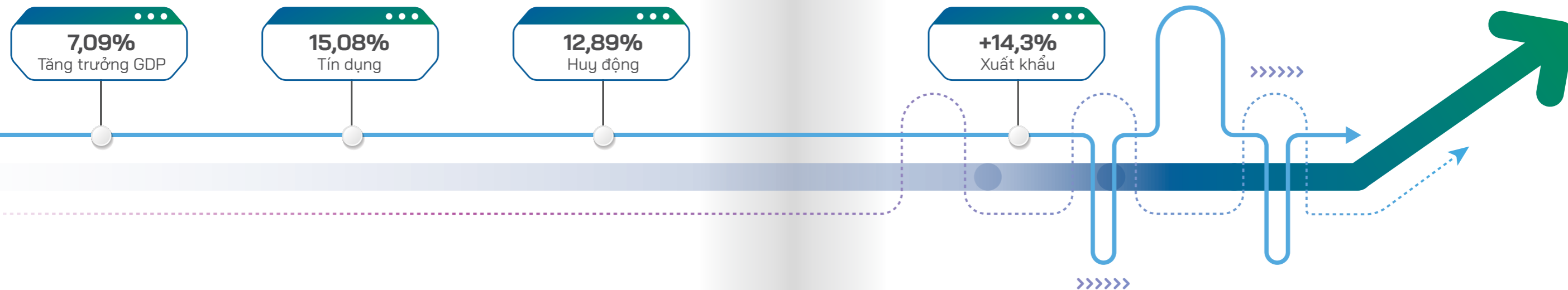
III. DỰ BÁO NĂM 2025 VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA PSI

- 44 TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024
- 46 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2024
- 48 TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025
- 50 MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2025



TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ NĂM 2024



7,09%
Tăng trưởng GDP

GDP tăng trưởng mạnh trong năm 2024 vượt mục tiêu 6,5%-7% của Quốc hội. Trong đó công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 8,35%, dịch vụ tăng trưởng 8,21% đã đóng góp 95,14% vào tăng trưởng năm 2024.

3,63%
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lũy kế cả năm 2024 của Việt Nam tăng 3,63% YoY. CPI hạ nhiệt dần trong những tháng cuối năm và đạt mục tiêu dưới 4,5% của Quốc hội.

15,08%
Tín dụng

Tăng trưởng tín dụng cả năm 2024 đạt 15,08%, đạt mục tiêu của NHNN. Mặt bằng lãi suất cho vay bình quân cả hệ thống đối với những khoản mới ở mức khoảng 6,65%/năm, giảm 0,59%/năm.

12,89%
Huy động

Tổng huy động vốn của 26 ngân hàng trong năm 2024 vượt 12,846 triệu tỷ đồng, tăng 12,89% so với năm 2023. Trong đó, nhóm ngân hàng quốc doanh chiếm ưu thế với hơn 7 triệu tỷ đồng, chiếm 56% thị phần huy động. Lãi suất huy động tăng là động lực để tiền gửi quay lại hệ thống Ngân hàng.

3M: 3,7%

6M: 4,8%

12M: 5,3%
Lãi suất tiền gửi

Theo thống kê của NHNN, mặt bằng lãi suất tiền gửi đã tăng 0,71% trong năm 2024. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cao nhất thị trường đến cuối năm 2024 thuộc về nhóm ngân hàng thương mại vừa và nhỏ. Nhóm Ngân hàng quốc doanh có lãi suất tiền gửi gần như đi ngang trong nhiều tháng, thậm chí ở một số kỳ hạn còn ghi nhận giảm so với nửa đầu năm ngoài.

-3,0%
Vốn FDI đăng ký

Lũy kế đến ngày 31/12/2024, tổng vốn FDI đăng ký đạt gần 38,23 tỷ USD, giảm gần 3% so với năm trước. Tuy nhiên, vốn thực hiện lại đạt kỷ lục cao nhất từ trước đến nay với mức giải ngân thực tế là 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ.

+14,3%
Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt kỷ lục 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm 2023. Trong đó, nhóm hàng hoá giá trị cao như máy tính, điện thoại, máy ảnh, linh kiện điện tử... ghi nhận tăng trưởng tích cực. Giá trị xuất siêu cả năm 2024 đạt 24,77 tỷ USD.

+16,7%
Nhập khẩu

Tính chung cả năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm trước. Trong số các nhóm hàng nhập khẩu năm 2024, số liệu thống kê cho thấy, sơ bộ nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 356,43 tỷ USD, chiếm 93,6%; nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 24,33 tỷ USD, chiếm 6,4%.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2024

Năm 2024 dù chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các biến động kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát và sự rút lui tạm thời của dòng vốn ngoại song TTCK Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng đáng khích lệ.

TTCK Việt Nam khép lại năm 2024 với mức tăng 12,1% so với năm 2023, chốt phiên cuối năm ở mốc 1.266,78 điểm. Với diễn biến đi ngang trong biên độ 100 điểm (1.200 – 1.300 điểm) chiếm ¾ thời gian giao dịch, phần lớn mức tăng của thị trường diễn ra trong quý 1. Đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp, thị trường có mức tăng trưởng 2 con số. Mức tăng này là một kết quả tích cực khi đặt trong bối cảnh khối ngoại rút ròng kỷ lục cũng như dòng vốn quốc tế quay về thị trường Mỹ.

Năm 2024 cùng với nỗ lực của các cơ quan quản lý, thị trường đã có nhiều chuyển biến tích cực trong quá trình hướng tới nâng hạng lên thị trường mới nổi. Trong đó, phải kể đến việc ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC quy định về việc ký quỹ trước của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài khi giao dịch và yêu cầu công bố thông tin trên TTCK. Bên cạnh đó, Luật Chứng khoán (sửa đổi) cũng được thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV. Tính đến cuối năm Việt Nam có 9,2 triệu tài khoản chứng khoán chiếm 9,3% dân số, vượt mục tiêu 5% được đề ra trong Đề án Cơ cấu lại TTCK và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu niêm yết trên HOSE đạt hơn 5,2 triệu tỷ đồng, tăng 14,3% so với kết thúc năm 2023. Tình hình giao dịch cổ phiếu trên HOSE ghi nhận mức tăng trưởng khá, tổng khối lượng giao dịch chứng khoán trong năm 2024 đạt hơn 195 tỷ chứng khoán với khối lượng giao dịch bình quân đạt gần 781,84 triệu chứng khoán/ngày (tăng 0,83% so với cùng kỳ năm 2023), tổng giá trị giao dịch đạt gần 4,6 triệu tỷ đồng với giá trị giao dịch bình quân 18.685 tỷ đồng/ngày (tăng 22,4% so với cùng kỳ năm 2023).

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2024 chiếm tỉ trọng gần 8,09% về khối lượng và 10,38% về giá trị giao dịch. Trong năm 2024, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng mạnh mẽ, với giá trị 92.670 tỷ đồng (3,63 tỷ USD), mức cao nhất trong lịch sử thị trường.

↑ **12,1%**
TTCK Việt Nam
2024

1.266,78
VN-Index

9,2
Triệu tài khoản
chứng khoán

5,2
Triệu tỷ đồng
Giá trị vốn hoá



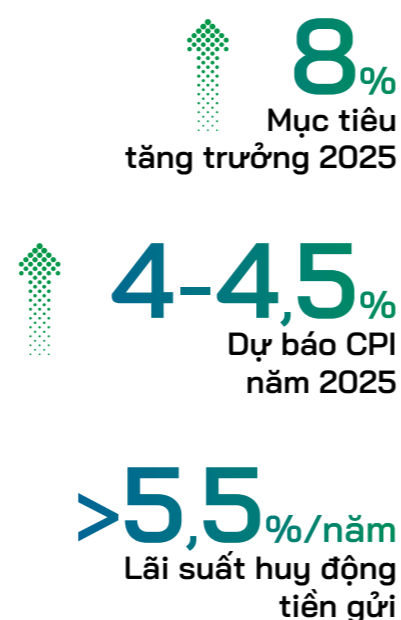
TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

1.1 Triển vọng kinh tế

Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% cho năm 2025. Sản xuất vẫn sẽ đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng chủ yếu nhờ nhu cầu quốc tế phục hồi dẫn tới tăng trưởng đơn hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý khả năng xuất khẩu đi thị trường Mỹ gặp một số khó khăn nhất định trong trường hợp tân Tổng thống Mỹ tăng thuế nhập khẩu 10% đối với tất cả các hàng hoá nhập khẩu vào nước này. Các mặt hàng sẽ gặp khó khăn chủ yếu là hàng hoá sản xuất bởi nhóm doanh nghiệp nội, bao gồm nông sản, thủy sản, đồ gỗ nội thất, dệt may,... Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu đa dạng hoá thị trường kinh doanh để tìm kiếm tăng trưởng và duy trì biên lợi nhuận. Trong khi đó, tiêu dùng nội địa được chúng tôi đánh giá là tăng trưởng ổn định. Đầu tư có thể được chú trọng đẩy mạnh giải ngân trong năm 2025, đặc biệt là cho các dự án hạ tầng trọng điểm do là năm cuối thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025. Hoạt động đầu tư của Chính phủ được chúng tôi kỳ vọng là sẽ thúc đẩy tăng trưởng cho nhóm ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và bất động sản.

Về lạm phát: Chúng tôi dự báo CPI năm 2025 sẽ tăng khoảng 4%-4,5%. Chúng tôi cho rằng, các yếu tố gây áp lực lên lạm phát năm 2025 sẽ là chi phí nhà ở (giá điện được chúng tôi dự báo sẽ tăng thêm 1 lần trong năm 2025), chi phí giáo dục, chi phí ăn uống ngoài gia đình. Bên cạnh đó, hoạt động bơm tiền của NHNN được chúng tôi dự báo là cũng sẽ tăng nhanh hơn trong năm 2025 thông qua kênh tín dụng Ngân hàng để thúc đẩy tăng trưởng sẽ gây áp lực lên lạm phát.

Xu thế lãi suất: Lãi suất huy động tiền gửi ở các NHTM duy trì ở mặt bằng thấp. Hầu hết các NHTM đều đang niêm yết lãi suất huy động dưới 5,5%/năm cho kỳ hạn 12 tháng. Chúng tôi dự báo mặt bằng lãi suất năm 2025 có thể tiếp tục xu hướng tăng nhẹ đối với cả lãi suất huy động và cho vay.



1.2. Triển vọng Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2025

Năm 2025, bên cạnh sự phục hồi của nền kinh tế đóng vai trò bệ đỡ, câu chuyện nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là điểm nhấn quan trọng nhất. Dự kiến, FTSE Russell có thể đưa Việt Nam vào danh sách thị trường mới nổi (Emerging Market - EM) vào tháng 9-2025, trong khi MSCI có thể thực hiện đánh giá tương tự một năm sau đó. Theo dự báo của World Bank, nếu Việt Nam được nâng hạng bởi FTSE Russell và MSCI vào năm 2025, có thể thu hút đến 25 tỷ USD vốn đầu tư mới từ các nhà đầu tư quốc tế đến năm 2030, thông qua cả dòng vốn thụ động và chủ động.

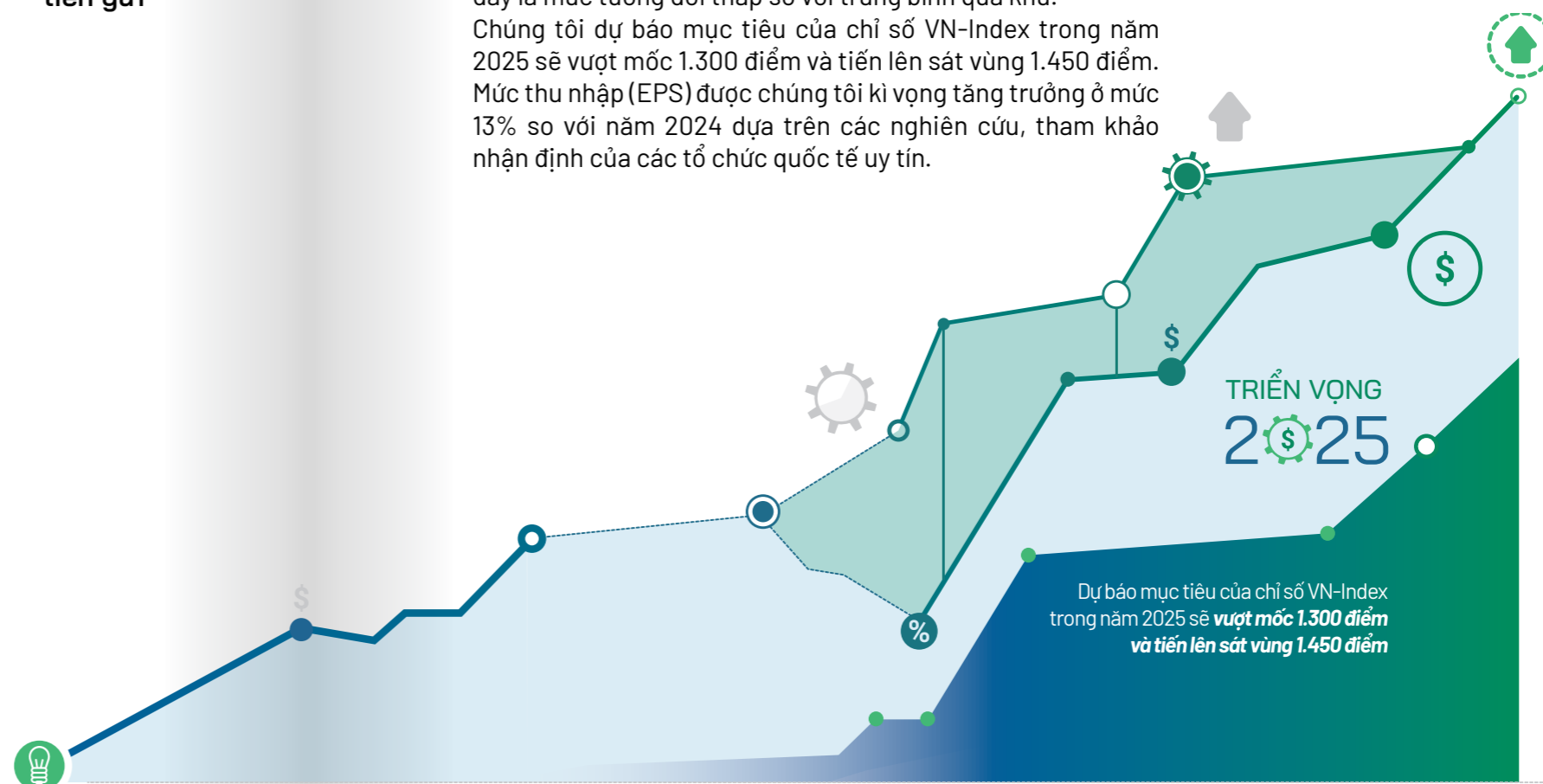
Trong bối cảnh xu hướng lãi suất điều hành được duy trì ở mức thấp, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ của VN-Index (ROE) vẫn đang duy trì mức cao hơn đáng kể so với tỷ suất sinh lời tiền gửi tiết kiệm 13 tháng, chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán sẽ trở nên hấp dẫn và khởi sắc hơn trong năm tới. Hiện tại, chỉ số VN-Index đang giao dịch ở mức P/E khoảng 13 lần, đây là mức tương đối thấp so với trung bình quá khứ.

Chúng tôi dự báo mục tiêu của chỉ số VN-Index trong năm 2025 sẽ vượt mốc 1.300 điểm và tiến lên sát vùng 1.450 điểm. Mức thu nhập (EPS) được chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng ở mức 13% so với năm 2024 dựa trên các nghiên cứu, tham khảo nhận định của các tổ chức quốc tế uy tín.

FTSE
Dự kiến nâng hạng TTCK Việt Nam

P/E
Khoảng 13 lần

↑ **+13%**
EPS kỳ vọng so với năm 2024



MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2025



Chỉ tiêu kinh doanh

- Doanh thu: tăng trưởng 15% - 20%
- Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập: tăng trưởng tối thiểu 15%.



Hoạt động nguồn vốn và đầu tư

- Quy mô tổng tài sản tăng trưởng 15% - 20% (Kế hoạch 3.000 tỷ đồng).
- Mở rộng hạn mức kinh doanh từ 1,5 - 2 lần, quy mô tăng trưởng vốn bắt kịp quy mô tăng trưởng tổng tài sản.
- Cấu trúc kênh nguồn vốn dài hạn thông qua các định chế tài chính và tổ chức quốc tế.
- Đẩy mạnh dịch vụ đầu tư và nguồn vốn: đạt 40% tổng doanh thu toàn Công ty.
- Phát triển hoạt động đầu tư mới: Đầu tư giá trị, Đầu tư dài hạn.



Công tác quản trị

- Quản trị chi phí và hiệu quả hoạt động.
- Nâng cao quản trị rủi ro hoạt động, đảm bảo tuân thủ.
- Xây dựng và phát triển mô hình quản trị phân cấp End to End.
- Tiếp tục thiết lập hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu (database) và tập trung hoá nguồn dữ liệu.
- Triển khai bộ chỉ tiêu quản trị hoạt động, quản trị rủi ro, quản trị hiệu quả theo từng sản phẩm/lĩnh vực.



Định hướng và sản phẩm chiến lược

- Định hướng chiến lược:
- 03 trụ cột: PVN, PVcomBank, tổ hợp các đối tác nước ngoài
- 02 nền tảng: Con người, Công nghệ
- 01 mục tiêu: Công ty chứng khoán theo mô hình Ngân hàng Đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng
- Sản phẩm chiến lược: sản phẩm tài chính trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.



Thị phần và phát triển mạng lưới

- Thị phần giao dịch phần đầu đạt: 1%
- Phát triển khách hàng mới tối thiểu: tăng 20%
- Tỷ lệ tài khoản active tối thiểu: 15%
- Hoàn chỉnh chuỗi sản phẩm, dịch vụ theo hướng công nghệ.
- Tăng tỷ trọng doanh thu hoạt động kinh doanh số lên 20% trên tổng giao dịch toàn hệ thống.



Quản trị nguồn nhân lực

- Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực điều hành của Cấp Điều hành công ty và Lãnh đạo chủ chốt
- Triển khai chính sách tiền lương cạnh tranh đảm bảo phát triển chất lượng và số lượng nguồn nhân lực
- Xây dựng chiến lược đào tạo, nâng cao năng suất lao động theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu
- Xây dựng chính sách nhân sự core team cho các nhân sự cốt lõi nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự gắn bó để đồng hành và phát triển PSI.



Công nghệ

- Hoàn thiện chiến lược công nghệ dài hạn theo hướng chủ động một phần
- Kiện toàn nhân sự công nghệ đáp ứng chiến lược
- Phát triển hạ tầng công nghệ theo xu thế mới đáp ứng nhu cầu phát triển
- Đẩy mạnh các hoạt động chuyển đổi số nhằm gia tăng doanh thu, thị phần và năng suất lao động.

IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

54 BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

68 BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC

80 BÁO CÁO CỦA
BAN KIỂM SOÁT

84 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO
VÀ HOẠT ĐỘNG QTRR

90 THÔNG TIN CỔ PHIẾU
VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ
NHÀ ĐẦU TƯ



BÁO CÁO CỦA HĐQT

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	CT.HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	04/04	100%
2	Bà Hồ Việt Hà	TV. HĐQT	Bắt đầu: 15/01/2020	04/04	100%
3	Ông Trịnh Thế Phương	TV.HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	04/04	100%
4	Ông Trần Tuấn Anh	TV.HĐQT	Bắt đầu: 28/04/2022	04/04	100%
5	Bà Phan Quỳnh Nga	TV.HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2023	04/04	100%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá chung

1.1. Thuận lợi

- Sự điều hành quyết liệt, hiệu quả của Đảng và Chính phủ; Sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ có hiệu quả các Bộ, Ngành và sự đồng lòng của các doanh nghiệp và các nhà đầu tư, thị trường chứng khoán năm 2024 vẫn duy trì sự ổn định, an toàn và tiếp tục thể hiện được vai trò là kênh dẫn vốn trung, dài hạn cho nền kinh tế, thu hút sự tham gia tích cực của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Theo đó, thị trường chứng khoán năm 2024 vẫn được đánh giá là thị trường có tăng trưởng tích cực so với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- PSI tiếp tục nhận được sự ủng hộ từ Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam để mở rộng thị phần và phát triển công nghệ thông tin.

1.2. Khó khăn

Năm 2024, kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong và ngoài nước như: căng thẳng địa chính trị gia tăng ở nhiều khu vực trên thế giới, dòng chảy thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu bị ngưng trệ; tăng trưởng kinh tế thấp, nhu cầu tiêu dùng giảm; thanh khoản gần như đóng băng trên Thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản...

2. Kết quả hoạt động 2024

2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu năm 2024 đạt 347,3 tỷ đồng, hoàn thành 116% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập năm 2024 đạt 34,2 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch.
- Chỉ tiêu an toàn tài chính tại ngày 31/12/2024 đạt là 216,6% (trên mức tối thiểu 180%) theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

347,3
Tỷ đồng
Doanh thu năm 2024

34,2
Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập

2.2. Hoạt động quản trị

Nhận định thách thức cùng thời cơ thị trường, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo quyết liệt; trực tiếp tham gia hỗ trợ các phương án kinh doanh; thống nhất ban hành 74 Nghị quyết/Quyết định với các định hướng, chính sách quan trọng để nâng cao năng lực quản trị, năng lực kinh doanh của Công ty:

2.2.1. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển đến 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua; theo đó, PSI hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư tập trung vào 3 trụ cột và 2 nền tảng, cụ thể:

Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, (PVN) với vị thế là đầu tàu kinh tế với hơn 30 Công ty thành viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực và 40.000 Cán bộ nhân viên. Tăng trưởng bình quân hàng năm 20% và đóng góp vào GDP trên 10%/năm. Ngân hàng mẹ PVcomBank, PSI có sự hỗ trợ về vốn để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nguồn và trái phiếu. Đồng thời, bán chéo dịch vụ trên tập khách hàng và 130

Phòng Giao dịch, Chi nhánh trên cả nước của PVcomBank. Đối tác nước ngoài, nắm bắt cơ hội từ làn sóng Nhà đầu tư nước dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian tới.

03
trụ cột

02
nền tảng

2.2.2. Một số kết quả cụ thể:

Về quy mô Tổng tài sản và Tỷ lệ an toàn tài chính

Quy mô tổng tài sản năm 2024 đạt gần 2.599 tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với năm 2023; Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2024 đạt 216,59% (cao hơn tỷ lệ quy định tối thiểu 180% của UBCKNN).

Sản phẩm dịch vụ

Vận hành giải pháp kết nối các kênh giao dịch với Ngân hàng; Tiếp tục từng bước mở rộng tệp khách hàng; Thường xuyên nghiên cứu và phát triển chính sách sản phẩm đa dạng, cạnh tranh với thị trường.

Quản trị rủi ro

Xây dựng chính sách rủi ro, bảng chỉ tiêu hệ số rủi ro 2024.

Công nghệ số

Phối hợp PVcombank triển khai mở tài khoản liên kết sử dụng công nghệ eKYC trên nền tảng PVcombank tạo tiền đề gia tăng tệp khách hàng; nâng cấp hạ tầng công nghệ, chuyển đổi theo xu hướng mới đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.

Năng lực đội ngũ

Xây dựng kế hoạch và thực hiện các khóa đào tạo đội ngũ kế cận, xây dựng kế hoạch chính sách đãi ngộ, cơ chế tiền lương tạo môi trường làm việc cạnh tranh với thị trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Nhằm đảm bảo tổ chức tốt công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Điều hành và các bộ phận khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban Điều hành như sau:

1. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Giám đốc trong các hoạt động kinh doanh.

2. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;

3. Hội đồng quản trị xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều hành và báo cáo quý gửi Hội đồng quản trị.

4. Xem xét các báo cáo, đề xuất từ các tiểu ban giúp việc để giám sát tính tuân thủ và định hướng các hoạt động của Ban Điều hành.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quốc hội Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 8%, mức tăng trưởng cao hơn nhiều so với dự báo của các tổ chức kinh tế lớn. Để đạt mục tiêu đó, Chính phủ tập trung vào công tác đầu tư công và nỗ lực cung cấp vốn cho nền kinh tế qua kênh tín dụng ngân hàng với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16%. Mặt bằng lãi suất thấp và tăng trưởng tín dụng cao được PSI đánh giá là cơ hội tốt cho thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, rủi ro từ bối cảnh vĩ mô thế giới như chiến tranh thương mại, biến động địa chính trị có thể là những nhân tố tác động tiêu cực tới dự triển vọng của thị trường chứng khoán.

Trên cơ sở đánh giá thời cơ, cơ hội cũng như các thách thức trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã có chỉ đạo định hướng thông qua các nhiệm vụ trọng tâm theo từng mảng hoạt động và lĩnh vực cụ thể tại Kế hoạch trình ĐHCĐ thông qua. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo thực hiện các định hướng như sau:

- 01

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển đến 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó chú trọng vào 03 Trụ cột là PVN, PVcomBank, tổ hợp các đối tác nước ngoài; 02 nền tảng là Con người, Công nghệ và 01 Mục tiêu trở thành Công ty chứng khoán theo mô hình Ngân hàng Đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.
- 02

Hỗ trợ định hướng các giải pháp, mạng lưới khách hàng, kết nối các cơ hội hợp tác để hoàn thành và phần đầu vượt kế hoạch kinh doanh năm 2025 được ĐHCĐ giao.
- 03

Mở rộng mạng lưới và thị phần thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số theo tinh thần chủ động, đi trước đón đầu.
- 04

Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro, chủ động kiểm soát các biến động.
- 05

Chỉ đạo hoàn thiện chính sách tiền lương, đảm bảo phát triển ổn định về chất lượng và số lượng nguồn nhân lực.
- 06

Quan tâm công tác đào tạo nhằm nâng cao năng suất lao động, khơi dậy tinh thần sáng tạo, đổi mới.
- 07

Tăng cường kỷ cương kỷ luật hành chính, văn hóa làm việc nơi công sở. Xây dựng tinh thần kinh doanh năng động, nhiệt huyết, môi trường làm việc thân thiện, công bằng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị:
Đến ngày 31/12/2024, Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	2022 - 2027
2	Bà Hồ Việt Hà	TV. HĐQT	2022 - 2027
3	Ông Trịnh Thế Phương	TV. HĐQT	2022 - 2027
4	Bà Phan Quỳnh Nga	TV. HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	2022 - 2027
5	Ông Trần Tuấn Anh	TV. HĐQT độc lập	2022 - 2027

2. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT

- Với tư cách Chủ tịch HĐQT, Ông Nguyễn Anh Tuấn đã triệu tập, chủ trì và chỉ đạo các phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung lấy ý kiến HĐQT trong năm 2024.
 - Giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ hoạt động của Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh.
 - Trực tiếp chủ trì các cuộc họp của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Hội đồng đầu tư, Hội đồng thi đua khen thưởng... trực tiếp chỉ đạo triển khai chiến lược phát triển của PSI; chiến lược phát triển công nghệ thông tin...
 - Hỗ trợ mở rộng quan hệ khách hàng, làm việc với các Cơ quan quản lý cấp trên và kết nối các cơ hội kinh doanh.
- Bà Hồ Việt Hà
Thành viên HĐQT

- Với tư cách thành viên HĐQT, Bà Hồ Việt Hà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến Hội đồng Quản trị; tham mưu và cho ý kiến các phương án kinh doanh, các vấn đề về quản trị doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động của PSI.
 - Hỗ trợ thúc đẩy sản phẩm bán chéo với Ngân hàng mẹ - PVcombank.
 - Cho ý kiến xây dựng, sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định trong quản trị nội bộ Công ty.

Ông Trịnh Thế Phương
Thành viên HĐQT

- Với tư cách thành viên HĐQT, Ông Trịnh Thế Phương đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến HĐQT; Tham mưu về pháp lý, phổ biến các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Hỗ trợ thúc đẩy sản phẩm bán chéo với Ngân hàng mẹ - PVcombank.
- Cho ý kiến xây dựng, sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định trong quản trị nội bộ Công ty.

Bà Phan Quỳnh Nga
Thành viên HĐQT kiêm
Giám đốc Công ty

- Với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Bà Phan Quỳnh Nga đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến Hội đồng quản trị. Với vai trò thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty, Bà Phan Quỳnh Nga thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn vai trò Giám đốc, được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Tổ chức thực hiện Nghị Quyết, Quyết định HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động chung của Công ty; Hoạt động kinh doanh hàng ngày; Công tác tài chính kế toán; Công tác kế hoạch; Công tác cán bộ trong phạm vi được ủy quyền; Thường trực tại Hội sở chính, xử lý kịp thời các công việc đảm bảo hoạt động của Công ty được liên tục, thông suốt.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Ông Trần Tuấn Anh
Thành viên HĐQT
độc lập

- Hỗ trợ PSI các mối quan hệ với các Đơn vị trong và ngoài ngành để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tham mưu cho HĐQT trong việc đánh giá năng lực hoạt động của Ban Điều hành, đưa ra các mức thù lao đối với các thành viên Ban điều hành và thành viên HĐQT.
- Rà soát báo cáo tài chính và thực hiện ngăn ngừa, giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông hoặc cán bộ quản lý Công ty.
- Hỗ trợ thúc đẩy các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN



Phòng Kiểm toán Nội bộ

- Thẩm định và có ý kiến về tính pháp lý và tính tuân thủ trong công tác xây dựng các quy trình, quy chế, quy định của Công ty;
- Tiến hành các hoạt động kiểm tra đối với hoạt động của các đơn vị trong công ty trong phạm vi chức năng của Kiểm toán Nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Thực hiện các chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc kiểm tra hoạt động của các đơn vị;
- Duy trì việc xem xét đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- Giám sát và đánh giá hoạt động của Quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống;
- Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ.



Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- Đánh giá tính phù hợp của hệ thống lãi suất, cơ chế cấp vốn và hệ thống các chính sách khác áp dụng cho hoạt động dịch vụ tài chính của PSI và quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế;
- Ban hành danh mục chứng khoán cho vay tiền giao dịch ký quỹ trên cơ sở danh mục cho phép của Sở giao dịch chứng khoán và các tỷ lệ cho vay ký quỹ đảm bảo an toàn, hiệu quả và kiểm soát được rủi ro, bảo toàn vốn và thu được khoản lợi nhuận tương ứng với số tiền sử dụng cho dịch vụ này;
- Quyết định biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường có biến động lớn để đảm bảo hạn chế rủi ro cũng như tổn thất cho PSI.



Hội đồng đầu tư

- Thẩm định, phê duyệt phương án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của PSI tại Báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định việc chuyển về tự doanh các khoản đầu tư PSI thực hiện theo nghĩa vụ của hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc các hợp đồng khác của PSI;
- Đánh giá các khoản mục đã thực hiện đầu tư và đưa ra phương án giải quyết.

CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	14.140.499	23,63%	Đại diện cho phần vốn của PVcombank
Hồ Việt Hà	TV.HĐQT	8.443.607	14,11%	Đại diện cho phần vốn của PVcombank
Trịnh Thế Phương	TV.HĐQT	8.038.568	13,43%	Đại diện cho phần vốn của PVcombank
Bà Phan Quỳnh Nga	TV. HĐQT kiêm Giám đốc Công ty			
Ông Trần Tuấn Anh	TV. HĐQT độc lập			

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Chức danh	Số thành viên	Mức thù lao/ người/tháng	Quỹ thù lao (VND)
I	Người đại diện PVcombank			1.266.000.000
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	72.500.000	870.000.000
2	TV HĐQT kiêm nhiệm	2	10.000.000	240.000.000
3	Trưởng BKS kiêm nhiệm	1	8.000.000	96.000.000
4	TV BKS kiêm nhiệm	1	5.000.000	60.000.000
II	Thành viên khác			300.000.000
1	TV HĐQT kiêm nhiệm	2	10.000.000	240.000.000
2	TV BKS kiêm nhiệm	1	5.000.000	60.000.000
Tổng cộng				1.566.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

không có



CÁC GIAO DỊCH KHÁC

1. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH, gày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Cùng là công ty con của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	23/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/12/2007 và các Giấy phép điều chỉnh	Tầng 9, Tòa nhà Hapro Building số 11B Cát Linh, Hà Nội	06 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-CKDK ngày 28/03/2024 v/v” Thông qua giao dịch người nội bộ, người có liên quan với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư chứng khoán trị giá 125 tỷ.	
2	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty Mẹ	279/GP-NHNN cấp ngày 16/9/2013 do Ngân hàng nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh	22 Ngô Quyền, Hà Nội	6 tháng cuối năm 2024	Nghị quyết số 19/NQ – HĐQT – CKDK ngày 13/11/2024 v/v : “Thông qua Giao dịch với Người có liên quan của công ty”	Dịch vụ tích hợp và mở tài khoản liên kết sử dụng công nghệ eKYC	
3	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Công ty Mẹ của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	176/GP-TTĐT, cấp ngày: 11/09/2019	Số 18 Láng Hạ, Hà Nội.	6 tháng cuối năm 2024	Nghị quyết số 25/NQ – HĐQT – CKDK ngày 27/12/2024 v/v : “Thông qua Giao dịch với Người có liên quan của công ty”	Hợp đồng tư vấn chuyển nhượng vốn giữa PSI với PVN trong cung cấp dịch vụ tư vấn “xây dựng và thực hiện Phương án chuyển nhượng vốn của PVN tại PVI, PAP, PVE, Petrosetco”	
4	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Công ty Mẹ của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	176/GP-TTĐT, cấp ngày: 11/09/2019	Số 18 Láng Hạ, Hà Nội.	6 tháng cuối năm 2024	Nghị quyết số 26/NQ – HĐQT – CKDK ngày 27/12/2024 v/v : “Thông qua Giao dịch với Người có liên quan của công ty”	Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông giữa PSI với PVN	

2. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát
Có 2 giao dịch

3. Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác
Không có giao dịch.

4. Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)
Không có giao dịch.

5. Giao dịch giữa công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành
Có 1 giao dịch

6. Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành
Không có giao dịch.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ

Đã thực hiện theo quy định Pháp luật và các quy định nội bộ của PSI.

Trên cơ sở tuân thủ Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty đã thực hiện các quy định về quản trị Công ty, cụ thể như sau:



Công ty đã xây dựng Quy chế quản trị; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát



Hoạt động của Hội đồng quản trị được triển khai theo đúng quy định: Tổ chức họp Hội đồng quản trị theo định kỳ tối thiểu 01 lần/Quý; Thực hiện xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền bằng nhiều hình thức (lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp lấy ý kiến); đảm bảo đủ tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp và đảm bảo đủ các tỷ lệ thông qua các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị; thực hiện soạn thảo và ban hành các Biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị theo đúng thể thức và đúng thời hạn theo quy định Pháp luật và quy định nội bộ; thực hiện công bố thông tin đúng hạn và kịp thời đối với các nội dung cần công bố theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin.



Xây dựng hoàn thiện hệ thống phân quyền, ủy quyền: Trên cơ sở các quy định Pháp luật, Công ty đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống phân quyền, ủy quyền rõ ràng, phù hợp và minh bạch nhằm đảm bảo các thẩm quyền ký kết của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị, đảm bảo thẩm quyền hoạt động và ký kết của các Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách các mảng dịch vụ chứng khoán, tư vấn và vận hành. Ngoài ra, để đảm bảo các hoạt động trong từng thời kỳ phát triển cụ thể của Công ty, các văn bản này cũng được chỉnh lý và bổ sung cần thiết, phân công lại các hoạt động trong Ban Giám đốc và thay đổi các ủy quyền cần thiết.



Ban hành các Nghị quyết quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty: Quyết định việc cử các đại diện vốn góp của Công ty tham gia vào quản trị và kiểm soát tại các công ty thành viên và các công ty có vốn góp; đưa ra các yêu cầu và các quyết định liên quan đến đầu tư tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư OTC và các quyết định trích lập dự phòng nhằm cân đối tài chính của Công ty; quyết định các chính sách liên quan đến việc miễn lãi cho khách hàng, giải quyết các khoản đầu tư tồn đọng của các khách hàng từ các giai đoạn trước, lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty và các nội dung khác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024



Tổng Doanh thu năm 2024 đạt 347,3 tỷ đồng hoàn thành 116% kế hoạch 2024.

Doanh thu các hoạt động chính năm 2024:

Doanh thu Dịch vụ Chứng khoán đạt 216,2 tỷ đồng hoàn thành 111% kế hoạch năm 2024. Doanh thu phí môi giới đạt 49,5 tỷ đồng, hoàn thành 83% kế hoạch năm 2024. Doanh thu dịch vụ tài chính đạt 141,5 tỷ đồng hoàn thành 113% kế hoạch 2023.

Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt 10,7 tỷ đồng đạt 76% kế hoạch năm 2024. Hoạt động tư vấn tiếp tục bám sát và khai thác các dịch vụ truyền thống từ các doanh nghiệp trong ngành (PVN), là đơn vị tư vấn nhiều nhất cho SCIC và phát triển đa dạng các dịch vụ Tư vấn thị trường vốn và thị trường nợ cho các đối tượng khách hàng trong và ngoài ngành.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn, góp vốn đạt 116,5 tỷ đồng tương đương 132% kế hoạch năm 2024.

Chi phí năm 2024: Tổng chi phí năm 2024 đã thực hiện đạt 313,2 tỷ đồng, tương đương 119% kế hoạch năm 2024. Chi phí chủ yếu trong năm 2024 đến từ chi phí môi giới và chi phí lãi vay.

216,2 Tỷ đồng
Doanh thu
Dịch vụ Chứng khoán

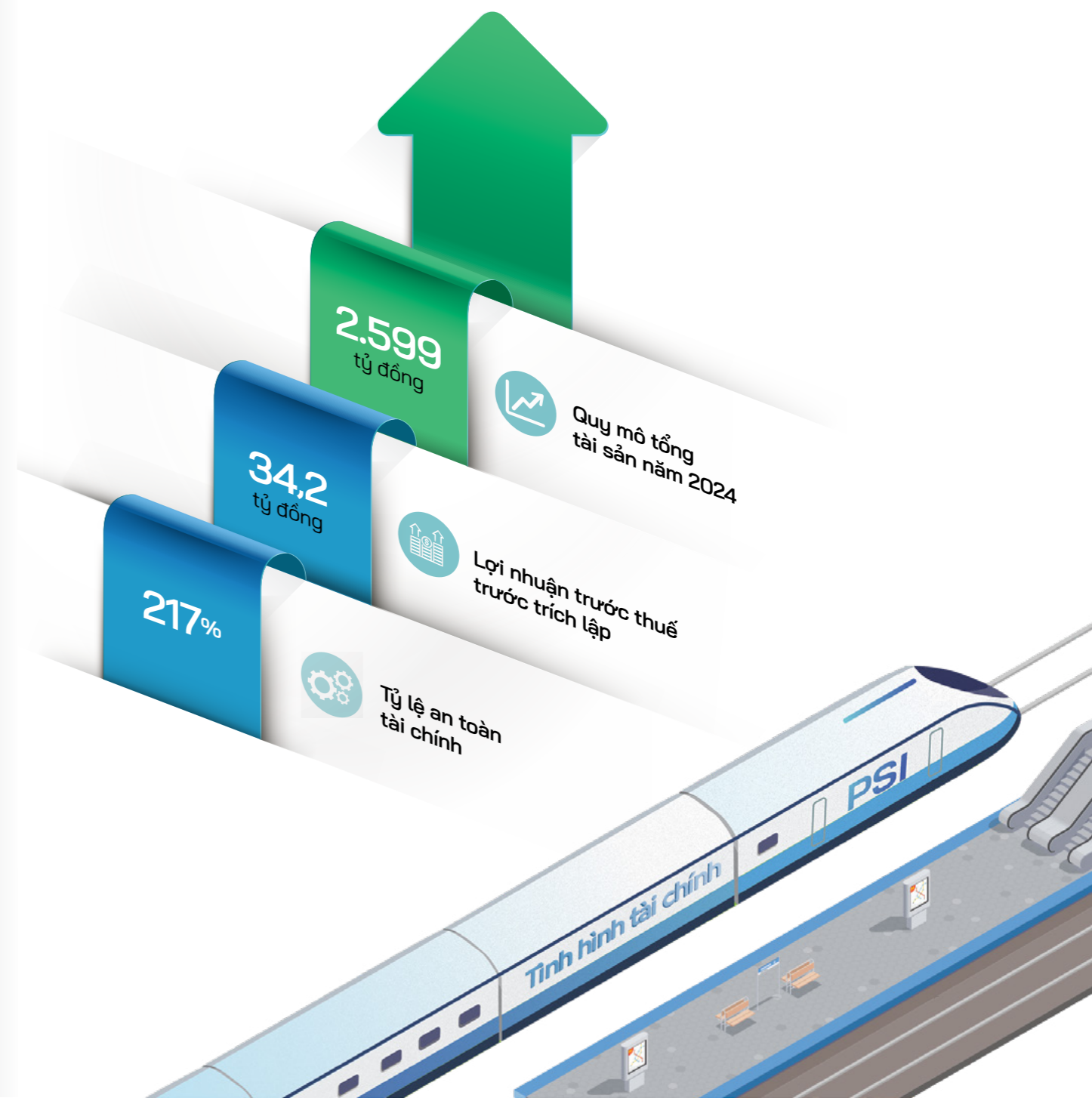
49,5 Tỷ đồng
Doanh thu Môi giới

141,5 Tỷ đồng
Doanh thu
Dịch vụ Tài chính

Lợi nhuận năm 2024: Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập năm 2024 thực tế Công ty đạt được là 34,2 tỷ đồng đạt 92% so với mục tiêu đề ra. Chi phí hoạt động xã hội trong năm phát sinh 7 tỷ đồng và Lợi nhuận ghi nhận trước thuế đạt 33,2 tỷ đồng.

34,2 Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế,
trước trích lập

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM



Thị phần giao dịch và hoạt động dịch vụ

Phối hợp PVcombank tích hợp hệ thống liên kết tài khoản sử dụng công nghệ eKYC trên nền tảng PVcombank, tạo tiền đề phát triển khách hàng và nâng cao thị phần giao dịch, gia tăng doanh thu trên kênh số.



Công nghệ, sản phẩm dịch vụ

Về hệ thống: Luôn đảm bảo vận hành hệ thống thông suốt với các Sở, với khách hàng;
Phát triển sản phẩm công nghệ tiện ích
Triển khai thành công kết nối cổng giao tiếp trực tuyến STP – VSD
Triển khai thành công đưa vào vận hành tính năng thông báo trên nền tảng giao dịch chứng khoán trực tuyến
Vận hành Trung tâm Giao dịch số: sử dụng công nghệ AI để phân tích, đánh giá xu hướng thị trường chứng khoán và xác định mã cổ phiếu tiềm năng tư vấn cho khách hàng;
Liên kết DATX tích hợp sản phẩm tư vấn đầu tư trên công nghệ AI
Triển khai phối hợp với ngân hàng, cơ quan quản lý đưa vào vận hành hệ thống trái phiếu riêng lẻ



Xử lý danh mục đầu tư và nợ tồn đọng

Quản lý cơ cấu danh mục đầu tư và lên phương án thực hiện thu hồi công nợ, phân loại nghĩa vụ nợ để có phương án thu hồi. Định kỳ rà soát, đánh giá các khoản nợ xấu từ khách hàng để lập kế hoạch thu hồi phù hợp.
Về danh mục đầu tư: Lên phương án phân loại các khoản đầu tư trên danh mục OTC để quản trị và thoái các khoản đầu tư tồn đọng ra khỏi danh mục OTC.



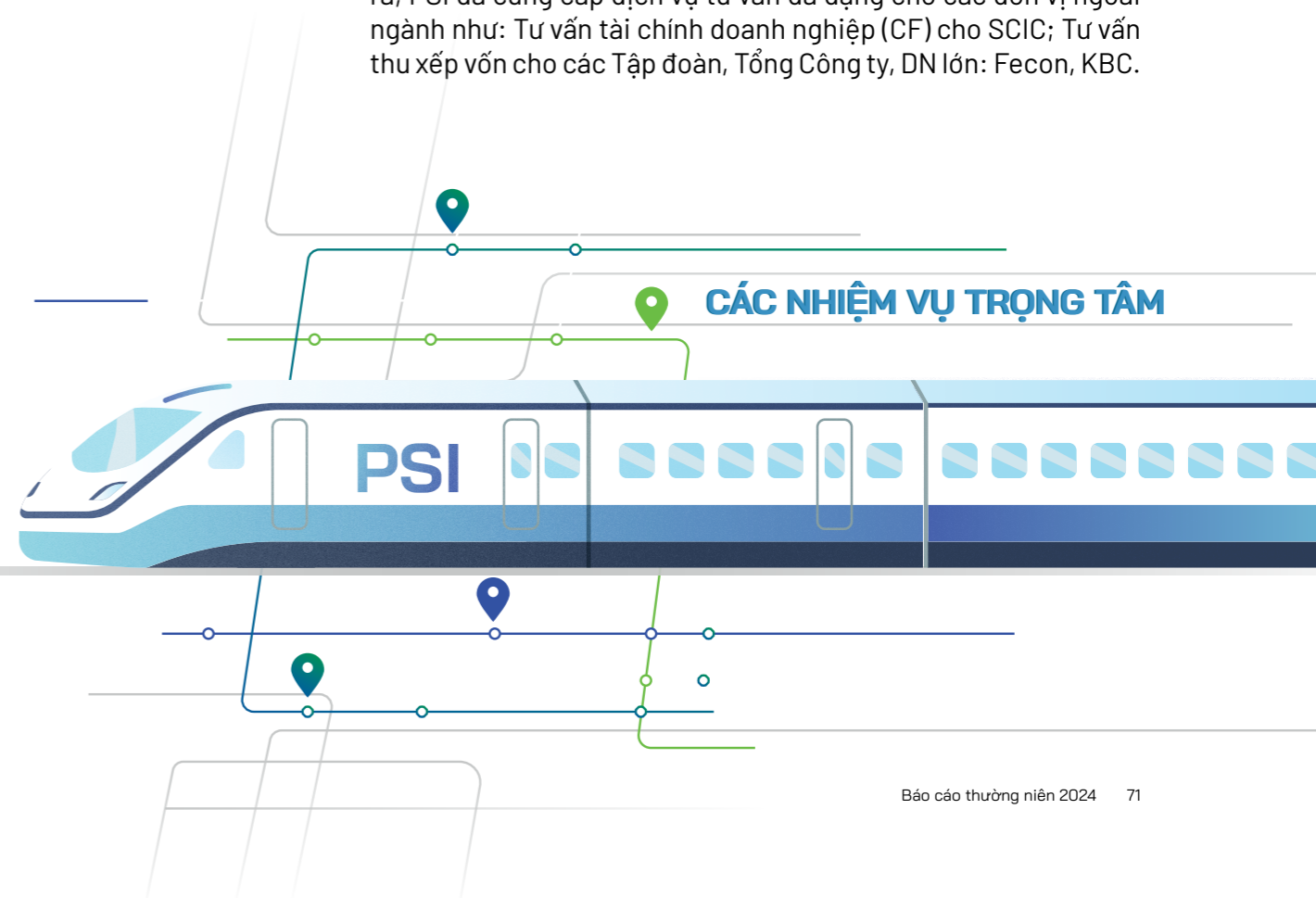
Chính sách nhân sự

Hoàn thiện bộ máy cán bộ quản lý cấp lãnh đạo.
Xây dựng kế hoạch và thực hiện các khóa đào tạo đội ngũ kế cận, xây dựng kế hoạch chính sách đãi ngộ, cơ chế tiền lương, tạo môi trường làm việc cạnh tranh với thị trường.
Đẩy mạnh công tác đào tạo.



Khách hàng

Với xếp hạng từ FiiRatings (BB+ với triển vọng tích cực) cho mức tín nhiệm ngành nhiều triển vọng, bên cạnh việc duy trì thực hiện các dịch vụ tư vấn, dịch vụ chứng khoán tới các đơn vị thành viên trong ngành; đồng thời là tiền đề để Công ty mở rộng hợp tác và phát triển với các đối tác nước ngoài;
Huy động 3,5 triệu USD nguồn vốn dài hạn từ khách hàng Nhật.
Cung cấp dịch vụ tư vấn cho tập Khách hàng mục tiêu là các đơn vị trong ngành (PVN, PVcomBank) với số lượng hợp đồng từ nhóm khách hàng “mục tiêu” chiếm tỷ trọng cao (70-80%). Ngoài ra, PSI đã cung cấp dịch vụ tư vấn đa dạng cho các đơn vị ngoài ngành như: Tư vấn tài chính doanh nghiệp (CF) cho SCIC; Tư vấn thu xếp vốn cho các Tập đoàn, Tổng Công ty, DN lớn: Fecon, KBC.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2025

1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô năm 2025

Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% cho năm 2025. Sản xuất vẫn sẽ đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng chủ yếu nhờ nhu cầu quốc tế phục hồi dẫn tới tăng trưởng đơn hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý khả năng xuất khẩu đi thị trường Mỹ gặp một số khó khăn nhất định trong trường hợp tân Tổng thống Mỹ tăng thuế nhập khẩu 10% đối với tất cả các hàng hoá nhập khẩu vào nước này. Các mặt hàng sẽ gặp khó khăn chủ yếu là hàng hoá sản xuất bởi nhóm doanh nghiệp nội, bao gồm nông sản, thủy sản, đồ gỗ nội thất, dệt may... Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu đa dạng hoá thị trường kinh doanh để tìm kiếm tăng trưởng và duy trì biên lợi nhuận. Trong khi đó, tiêu dùng nội địa được chúng tôi đánh giá là tăng trưởng ổn định. Đầu tư có thể được chú trọng đẩy mạnh giải ngân trong năm 2025, đặc biệt là cho các dự án hạ tầng trọng điểm do là năm cuối thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025. Hoạt động đầu tư của Chính phủ được chúng tôi kỳ vọng là sẽ thúc đẩy tăng trưởng cho nhóm ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và bất động sản.

Về lạm phát

Chúng tôi dự báo CPI năm 2025 sẽ tăng khoảng 4,5%-5%. Chúng tôi cho rằng, các yếu tố gây áp lực lên lạm phát năm 2025 sẽ là chi phí nhà ở (giá điện được chúng tôi dự báo sẽ tăng thêm 1 lần trong năm 2025), chi phí giáo dục, chi phí ăn uống ngoài gia đình. Bên cạnh đó, hoạt động bơm tiền của NHNN được chúng tôi dự báo là cũng sẽ tăng nhanh hơn trong năm 2025 thông qua kênh tín dụng Ngân hàng để thúc đẩy tăng trưởng sẽ gây áp lực lên lạm phát.

Xu thế Lãi suất

Lãi suất huy động tiền gửi ở các NHTM duy trì ở mặt bằng thấp. Hầu hết các NHTM đều đang niêm yết lãi suất huy động dưới 5,5%/năm cho kỳ hạn 12 tháng. Chúng tôi dự báo mặt bằng lãi suất năm 2025 có thể tiếp tục xu hướng tăng nhẹ. Rủi ro biến động lãi suất có thể đến từ việc đồng USD mạnh lên dưới nhiệm kỳ của Tổng thống Trump, gây áp lực lên tỷ giá VND/USD khiến NHNN phải can thiệp để ổn định tỷ giá bằng các công cụ lãi suất.

8%
Mục tiêu
tăng trưởng 2025

10% Thuế
Trường hợp tân
Tổng thống Mỹ tăng
thuế nhập khẩu

4-4,5%
Dự báo CPI
năm 2025

>5,5%/năm
Lãi suất huy động
tiền gửi

2. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025

Năm 2025, bên cạnh sự phục hồi của nền kinh tế đóng vai trò bệ đỡ, câu chuyện nâng hạng thị trường chứng khoán VN vẫn là điểm nhấn quan trọng nhất. Dự kiến, FTSE Russell có thể đưa Việt Nam vào danh sách thị trường mới nổi (Emerging Market - EM) vào tháng 9-2025, trong khi MSCI có thể thực hiện đánh giá tương tự một năm sau đó. Theo dự báo của World Bank, nếu Việt Nam được nâng hạng bởi FTSE Russell và MSCI vào năm 2025, có thể thu hút đến 25 tỷ USD vốn đầu tư mới từ các nhà đầu tư quốc tế đến năm 2030, thông qua cả dòng vốn thụ động và chủ động.

Trong bối cảnh xu hướng lãi suất điều hành được duy trì ở mức thấp, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ của VN-Index (ROE) vẫn đang duy trì mức cao hơn đáng kể so với tỷ suất sinh lời tiền gửi tiết kiệm 13 tháng, chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán sẽ trở nên hấp dẫn và khởi sắc hơn trong năm tới. Hiện tại, chỉ số VN-Index đang giao dịch ở mức P/E khoảng 13 lần, đây là mức tương đối thấp so với trung bình quá khứ.

Chúng tôi dự báo mục tiêu của chỉ số VN-Index trong năm 2025 sẽ vượt mốc 1.300 điểm và tiến lên sát vùng 1.450 điểm. Mức thu nhập (EPS) được chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng ở mức 13% so với năm 2024 dựa trên các nghiên cứu, tham khảo nhận định của các tổ chức quốc tế uy tín.

FTSE
Dự kiến nâng hạng
TTCK Việt Nam

P/E
Khoảng 13 lần

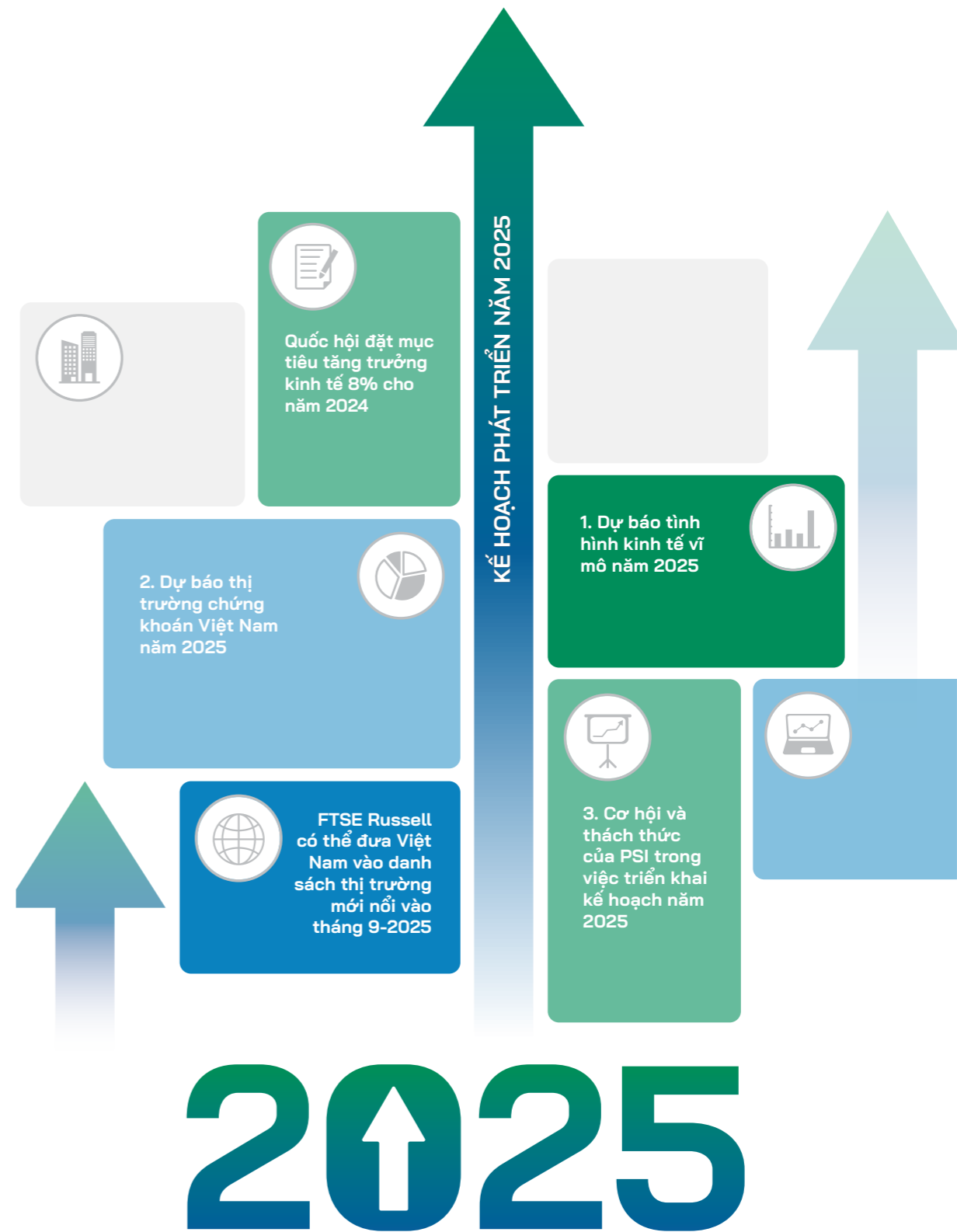
+13%
EPS kỳ vọng
so với năm 2024



3. Cơ hội và thách thức của PSI trong việc triển khai kế hoạch năm 2025

Trên cơ sở phân tích xu hướng thị trường, PSI cần nhìn nhận thực tế những điểm mạnh – điểm yếu – cơ hội – thách thức của mình để kịp thời đưa ra phương án kinh doanh phù hợp, cụ thể như sau:

S	Điểm mạnh (Strengths)	Cơ hội (Opportunities)	O
	<p>PSI hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư tập trung khai thác các lợi thế đến từ 3 trụ cột chính:</p> <p>Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) với vị thế là đầu tàu kinh tế với hơn 30 Công ty thành viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực.</p> <p>Ngân hàng mẹ PVcomBank hỗ trợ PSI trong việc phát triển mạng lưới và hệ thống khách hàng.</p> <p>Đối tác nước ngoài, nắm bắt cơ hội từ làn sóng Nhà đầu tư nước ngoài dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian tới.</p> <p>Thương hiệu: PSI được hưởng lợi ích từ giá trị thương hiệu do PVN mang lại.</p>	<p>Khách hàng trong ngành Dầu khí: Tiềm lực khách hàng trong ngành cao, tệp khách hàng rộng lớn trong toàn bộ tập đoàn.</p> <p>Cơ hội khai thác tập khách hàng tiềm năng (tổ chức và cá nhân là đối tác, khách hàng của PVCB) cùng 130 Phòng Giao dịch, Chi nhánh trên cả nước.</p>	
W	Điểm yếu (Weaknesses)	Thách thức (Threats)	T
	<p>Vốn điều lệ thấp (598 tỷ đồng) dẫn đến hạn chế về hạn mức các hoạt động kinh doanh và triển khai được đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán như: phái sinh, chứng quyền...</p> <p>Chính sách giá: chưa thể cạnh tranh được về giá so với các công ty chứng khoán có quy mô lớn nên khó khăn trong việc phát triển quy mô khách hàng kể cả đối với tệp khách hàng trong ngành Dầu khí, tệp Khách hàng PVcomBank.</p> <p>Nhân sự của PSI còn thiếu kể cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt tại một số vị trí then chốt trong Công ty.</p>	<p>Hệ thống Công nghệ thông tin: hạ tầng công nghệ chưa bắt kịp theo xu thế số hóa nhanh trên thị trường do nguồn lực hạn chế. Năm 2025, PSI phải chuẩn bị một loạt các dự án công nghệ thông tin lớn để đáp ứng việc thay đổi hệ thống giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước và nhu cầu phát triển các sản phẩm áp dụng công nghệ số tại PSI.</p> <p>Các chính sách thắt chặt của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động của công ty chứng khoán, Nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán vẫn chưa thực sự tin tưởng trở lại sau những biến động trên thị trường tài chính đặc biệt với đối với thị trường trái phiếu.</p>	



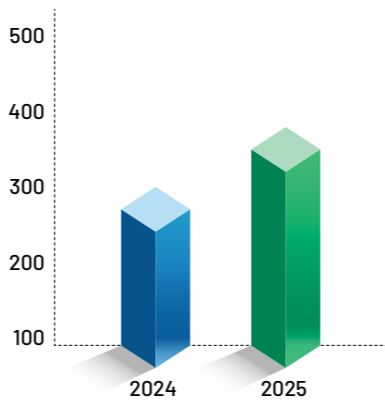
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Trên cơ sở đánh giá thị trường chứng khoán, thị trường tài chính cũng như các vấn đề nội tại của PSI, Ban Giám đốc kính trình Đại hội cổ đông Kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	KẾ HOẠCH 2025
I	Tổng doanh thu	300	347,3	388
1	Hoạt động Dịch vụ chứng khoán	195	216,2	214
1.1	Môi giới chứng khoán	60	49,5	55
1.2	Lưu ký chứng khoán	7	7,9	7
1.3	Dịch vụ tài chính	125	141,5	146
1.4	Doanh thu khác	3	17,3	7
2	Hoạt động đầu tư, góp vốn	88	116,5	153
3	Hoạt động tư vấn	14	10,7	12,5
4	Hoạt động phân tích, chỉ số	3	1,5	3
II	Tổng chi phí	263	313,2	348
III	Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	37	34,2	40
IV	Lợi nhuận sau thuế	21	25,9	30

Năm 2025 tổng doanh thu kế hoạch đạt 388 tỷ, tăng 11,7% so với thực hiện năm 2024. Chi phí năm 2025 dự kiến 348 tỷ, tăng 11%. Theo đó, lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2025 đặt ra là 30 tỷ đồng, tăng 16% so với thực hiện 2024. Với mục tiêu gia tăng các tệp khách hàng mới trong chiến lược kinh doanh năm 2025, công ty dự kiến tăng chi phí trong việc mở rộng các chính sách đãi ngộ với khách hàng cũng như đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn hệ thống đáp ứng cho nhu cầu phát triển và kinh doanh sản phẩm công nghệ số.



Chi tiết các hoạt động trong năm 2025:

Hoạt động dịch vụ chứng khoán:

Doanh thu kế hoạch hoạt động DVCK năm 2025 là 214 tỷ đồng tương đương 109% tỷ trọng kế hoạch năm 2024 toàn Công ty, cụ thể đến từ các hoạt động: Tiếp tục tập trung vào 02 mảng hoạt động chính là Môi giới và Dịch vụ tài chính. Đẩy mạnh giao dịch, mở rộng tệp khách hàng với mục tiêu thị phần môi giới tiến tới đạt 1%.

Hoạt động đầu tư – kinh doanh nguồn vốn:

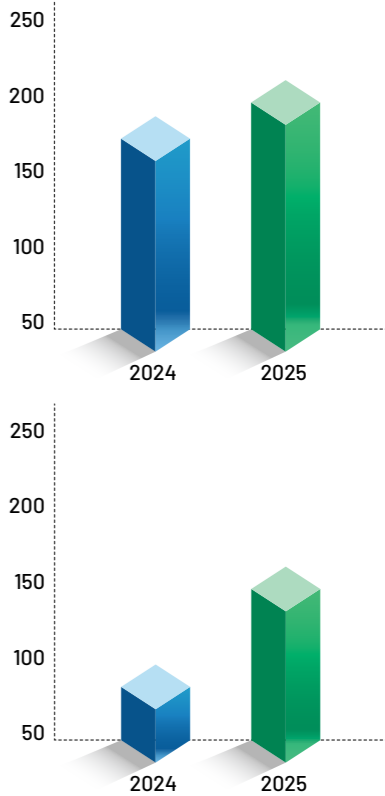
Doanh thu hoạt động đầu tư – kinh doanh nguồn vốn năm 2025 là 153 tỷ đồng, đạt 173% so với kế hoạch năm 2024, chiếm tỷ trọng gần 40% kế hoạch toàn Công ty: Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nguồn vốn thông qua các công cụ nợ, giấy tờ có giá. Đẩy mạnh các hoạt động đầu vào từ nguồn trái phiếu phát hành mở rộng quy mô vốn kinh doanh. Cơ cấu lại các khoản đầu tư còn tồn đọng. Tận dụng cơ hội thị trường thoái vốn, giảm dần danh mục tồn tại cũ để thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động kinh doanh.

Hoạt động tư vấn:

Bám sát tệp khách hàng mục tiêu PVN, PVcomBank, khách hàng nước ngoài để tận dụng thế mạnh là mạng lưới, khách hàng, cung cấp các dịch vụ tư vấn như niêm yết, phát hành chứng khoán, tìm kiếm cổ đông chiến lược và mua bán sáp nhập, tư vấn quản trị doanh nghiệp. Từng bước mở rộng các tệp khách hàng ngoài ngành. Phối hợp bán chéo cùng các sản phẩm cùng PVcombank để tối ưu nguồn lực khách hàng. Từng bước xây dựng mạng lưới các định chế tài chính, nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước để tạo lập thị trường phân phối công cụ nợ theo đúng định hướng Ngân hàng đầu tư.

Trung tâm phân tích:

Cung cấp đa dạng các sản phẩm phân tích, dự báo, quan hệ nhà đầu tư mang lại hiệu quả thiết thực cho Doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động IR tập trung các đơn vị trong ngành tổ chức. Phát triển thêm doanh thu đến từ mảng hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư và Quan hệ Quốc tế.



5. Các hoạt động định hướng năm 2025



Tối ưu hóa hiệu quả tài chính

Hoàn thành và phấn đấu vượt các chỉ tiêu kinh doanh, cụ thể:

- Doanh thu đạt: 388 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập: 40 tỷ đồng.
- Tổng tài sản đạt ngưỡng 3.000 tỷ đồng.
- Đa dạng hóa tệp khách hàng và sản phẩm dịch vụ tại PSI, tập trung phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ số đồng thời tăng cường các giải pháp về an toàn thông tin.
- Thiết lập các quan hệ với các định chế tài chính giảm chi phí đầu vào, tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.
- Tối ưu chi phí quản lý, hoạt động doanh nghiệp.



Chất lượng dịch vụ

Cải tiến quy trình giao dịch, khai thác hiệu quả các tiện ích giao dịch trên các nền tảng thu chi hộ, 24/7 nâng cao trải nghiệm dịch vụ khách hàng.

Thường xuyên nghiên cứu và phát triển chính sách sản phẩm đa dạng, cạnh tranh với thị trường.

Nâng cấp hạ tầng công nghệ, chuyển đổi theo xu hướng mới đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.



Quản trị rủi ro

Ban hành chính sách rủi ro và bảng chỉ tiêu hệ số rủi ro 2025.

Đảm bảo hệ thống QTRR.KSNB tuân thủ đúng chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro được HĐQT ban hành.



Năng lực đội ngũ

Hoàn thiện bộ máy cán bộ quản lý cấp lãnh đạo.

Xây dựng kế hoạch và thực hiện các khóa đào tạo đội ngũ kế cận, xây dựng kế hoạch chính sách đãi ngộ, cơ chế tiền lương tạo môi trường làm việc cạnh tranh với thị trường.

Đẩy mạnh công tác đào tạo.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát gồm 03 kiểm soát viên, cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị An – Trưởng ban kiểm soát (không chuyên trách);
2. Ông Bùi Thế Anh – Kiểm soát viên (không chuyên trách);
3. Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm soát viên (không chuyên trách).

2. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP TRONG NĂM

Phiên họp thứ nhất (23/04/2024): Nội dung các quyết định:

- ✓ Ban kiểm soát thảo luận và thống nhất thông qua việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2024.

Phiên họp thứ hai (18/12/2024): Nội dung các quyết định:

- ✓ Xem xét kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty.
- ✓ Tổng kết đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024.
- ✓ Thông qua kế hoạch công tác năm 2025.
- ✓ Các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát.

3. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc qua email, điện thoại và các phương tiện khác để đảm bảo luôn kịp thời đưa ra các tư vấn hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong việc đánh giá công tác kiểm soát trong thời gian qua, xem xét tiến độ thực hiện các kế hoạch của Công ty, giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của Pháp luật của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ trong năm 2024. Trong năm 2024, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty hay việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Nhìn chung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

4. HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

Bà Nguyễn Thị An
Trưởng ban kiểm soát
(không chuyên trách)

Trong năm 2024, với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách, Bà Nguyễn Thị An đã tham dự các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành qua đó nắm bắt được tình hình kinh doanh, tình hình quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc từ đó đóng góp ý kiến để thực hiện các mục tiêu mà ĐHĐCĐ phê duyệt, cũng như công tác quản trị nội bộ của Công ty một cách hiệu quả thông suốt.

Tiến hành thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Thực hiện các công tác giám sát khác.

Bà Nguyễn Thị Thu
Kiểm soát viên
(không chuyên trách)

Thực hiện công tác giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Thực hiện việc kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán năm 2024 tại Hội sở của Công ty.

Thực hiện thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Thực hiện các nhiệm vụ khác khi có yêu cầu.

Ông Bùi Thế Anh
Kiểm soát viên
(không chuyên trách)

Thực hiện công tác giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, đầu tư tài chính năm 2024.

Thực hiện thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Thực hiện các nhiệm vụ khác khi có yêu cầu.

5. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Thực hiện Luật Doanh nghiệp, cũng như kế hoạch hoạt động của Công ty năm 2025 của HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát lập kế hoạch hoạt động trong năm 2025 như sau:

- ✓ Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- ✓ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- ✓ Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- ✓ Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- ✓ Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- ✓ Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- ✓ Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ✓ Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty trong năm 2025.
- ✓ Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông (nếu có).
- ✓ Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động của Công ty trong năm 2025.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QTRR

BỘ MÁY QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Hồ Việt Hà	Thành viên
3	Ông Trịnh Thế Phương	Thành viên
4	Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên
5	Bà Phan Quỳnh Nga	Thành viên

2. Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị An	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Bùi Thế Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát

3. Thành viên Ban Giám đốc

STT	Thành viên Ban Giám đốc	Chức vụ
1	Bà Phan Quỳnh Nga	Giám đốc
2	Bà Lưu Thị Việt Hà	Phó Giám đốc

VĂN BẢN, QUY TRÌNH, QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro

Bộ máy tổ chức và nhân sự Quản trị rủi ro (“QTRR”) của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) bao gồm: Hội đồng quản trị, Hội đồng đầu tư, Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Phòng Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc, Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ (“QTRR.KSNB”), và các bộ phận nghiệp vụ.

1.1. Hội đồng quản trị

- ✓ Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động quản trị rủi ro tại PSI. Hội đồng quản trị phân công 01 Thành viên Hội đồng quản trị phụ trách Quản trị rủi ro có nhiệm vụ hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng nhiệm vụ liên quan đến hoạt động Quản trị rủi ro;
- ✓ Hàng năm tiến hành rà soát và phê duyệt các chính sách, hạn mức rủi ro trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty;
- ✓ Chỉ đạo xử lý kịp thời các tổn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Giám đốc, Phòng QTRR.KSNB và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- ✓ Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR.

1.2. Hội đồng đầu tư

- ✓ Hội đồng đầu tư hoạt động theo Quy chế hoạt động đầu tư của PSI;
- ✓ Thẩm định, phê duyệt phương án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của PSI tại Báo cáo tài chính gần nhất;
- ✓ Quyết định việc chuyển về tự doanh các khoản đầu tư PSI thực hiện theo nghĩa vụ của hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc các hợp đồng khác của PSI;
- ✓ Đánh giá các khoản mục đã thực hiện đầu tư và đưa ra phương án giải quyết.

1.3 Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- ✓ Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính hoạt động theo Quy chế Hoạt động Dịch vụ tài chính của PSI;
- ✓ Đánh giá tính phù hợp của hệ thống lãi suất, cơ chế cấp vốn và hệ thống các chính sách khác áp dụng cho hoạt động dịch vụ tài chính của PSI và quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế;
- ✓ Ban hành danh mục chứng khoán cho vay tiền giao dịch ký quỹ trên cơ sở danh mục cho phép của Sở giao dịch chứng khoán và các tỷ lệ cho vay ký quỹ đảm bảo an toàn, hiệu quả và kiểm soát được rủi ro, bảo toàn vốn và thu được khoản lợi nhuận tương ứng với số tiền sử dụng cho dịch vụ này;
- ✓ Quyết định biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường có biến động lớn để đảm bảo hạn chế rủi ro cũng như tổn thất cho PSI.

1.4. Giám đốc

- ✓ Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt.
- ✓ Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình HĐQT phê duyệt; Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro;
- ✓ Định kỳ hàng quý báo cáo HĐQT việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- ✓ Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong PSI phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt;
- ✓ Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của PSI;
- ✓ Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính;
- ✓ Báo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu.

1.5. Phòng Kiểm toán nội bộ

- ✓ Là một đơn vị độc lập trực thuộc HĐQT;
- ✓ Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống;
- ✓ Đánh giá quy trình quản trị rủi ro;
- ✓ Đưa ra đề xuất, khuyến nghị nhằm thiết lập và nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống các chính sách, quy chế, quy định, quy trình của PSI.

1.6 Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ

- ✓ Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của PSI;
- ✓ Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh;
- ✓ Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Giám đốc; Đề xuất hạn mức rủi ro cho bộ phận nghiệp vụ;
- ✓ Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro;
- ✓ Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt;
- ✓ Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Giám đốc Công ty;
- ✓ Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của PSI.

1.7. Các bộ phận nghiệp vụ

- ✓ Các Giám đốc Chi nhánh/trưởng phòng nghiệp vụ trong Công ty phải tuân thủ và thực hiện quản trị rủi ro hàng ngày theo đúng quy trình quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro của PSI đã được phê duyệt.
- ✓ Phối hợp cùng Phòng QTRR.KSNB tính toán, xây dựng hạn mức rủi ro cho đơn vị mình đảm bảo sát thực với hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với điều kiện của đơn vị và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

CÔNG TÁC KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA CÔNG TY VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO



1. Nội dung kiểm tra, giám sát

- Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro;
- Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của Bộ phận quản trị rủi ro;
- Đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

2. Số lần kiểm tra trong năm

- Theo dõi cảnh báo xử lý giảm giá giao dịch ký quỹ, hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Định kỳ hàng tháng, Trưởng Phòng QTRR.KSNB báo cáo Giám đốc Công ty việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, theo dõi thực hiện trên thực tế các chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Định kỳ hàng quý, Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị Công ty việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- Định kỳ 6 tháng/năm công ty thực hiện các báo cáo Quản trị rủi ro theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Thực hiện kiểm tra các vụ việc cụ thể (nếu có).

3. Báo cáo kết quả kiểm tra

- Công ty đã tuân thủ các hạn mức rủi ro, chính sách rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đầu năm.
- Luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính trên 180%;
- PSI luôn không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động; xây dựng mối quan hệ thân thiết với cổ đông, khách hàng, khách hàng ngành Dầu khí, và các đối tượng khách hàng khác đồng thời có các chính sách phù hợp với từng thời kỳ cũng như đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động, rủi ro thương hiệu;

ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐỘC LẬP NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý công ty:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- PSI tuân thủ các quy định về các đối tượng trong công ty chứng khoán không được mở tài khoản giao dịch ký quỹ bao gồm: Cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh khách do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và những người có liên quan đến các đối tượng trên. Việc mở tài khoản giao dịch của các đối tượng trên được thực hiện chặn trên hệ thống giao dịch của Công ty nên không phát sinh giao dịch. Định kỳ, bộ phận nghiệp vụ thực hiện rà soát các đối tượng được bổ nhiệm mới, bổ nhiệm bổ sung, tuyển mới trong Công ty đảm bảo không bị bỏ sót và phát sinh hoạt động cho vay với các đối tượng không đáp ứng theo quy định.

2. Giao dịch với người nội bộ và người có liên quan:

Trong năm 2024, PSI phát sinh giao dịch với Người nội bộ và người có liên quan của Công ty.

3. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty:

Để đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty, các quy định Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí được thông qua ngày 28/04/2022, cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2024

Năm 2024, TTCK Việt Nam tăng 12,1%, đóng cửa ở 1.266,78 điểm, ghi nhận năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng hai con số. Mặc dù chịu áp lực từ dòng vốn ngoại rút ròng kỷ lục 92.670 tỷ đồng do biến động tỷ giá USD/VND và xu hướng dòng tiền quay về Mỹ, thị trường vẫn duy trì đà tăng nhờ dòng tiền nội. Thanh khoản bình quân đạt 21.515 tỷ đồng, tăng 22,8% so với 2023. Nỗ lực nâng hạng thị trường tiếp tục với Thông tư 68/2024/TT-BTC và Luật Chứng khoán sửa đổi, đưa số tài khoản lên 9,2 triệu, vượt mục tiêu đề ra trong Đề án Cơ cấu lại TTCK và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Trong khi đó HNX-Index lại ghi nhận mức giảm 1,56% so với cuối năm 2023, đạt 227,43 điểm.

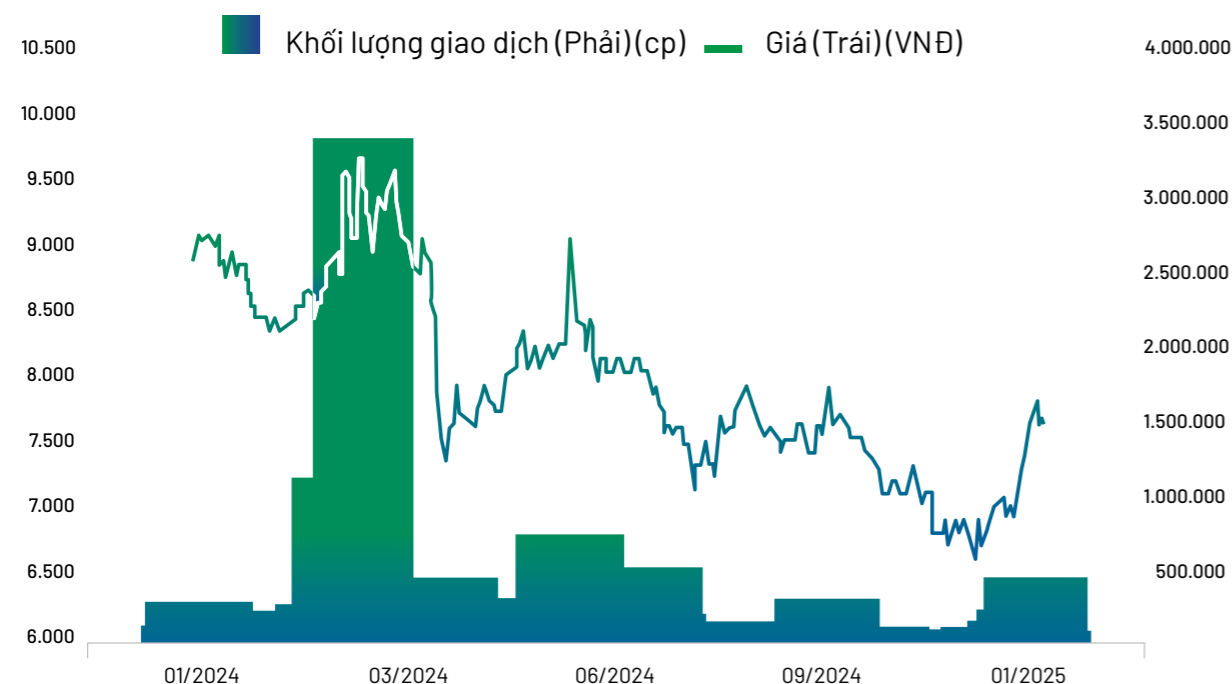
Trước áp lực biến động khó lường của chỉ số thị trường cũng như những khó khăn chung của nhóm ngành Chứng khoán, cổ phiếu PSI đóng cửa năm 2024 giảm 11,36% so với cuối năm 2023, tương ứng tính đến hết ngày 31/12/2024, cổ phiếu PSI đóng cửa tại mức giá 7.800 đồng/cổ phiếu.

↑ **12,1%**
TTCK Việt Nam năm 2024

↑ **22,8%**
Thanh khoản bình quân

Cổ phiếu PSI đóng cửa tại
7.800
Đồng/cổ phiếu

Diễn biến giá và khối lượng giao dịch cổ phiếu PSI năm 2024



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2024

Để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin có liên quan một cách chính xác và kịp thời, PSI đã rất chú trọng phân bổ nguồn lực cho hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư. Theo đó, công ty luôn chủ động kết nối với nhà đầu tư để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác thông qua một số kênh thông tin có sẵn như trang thông tin điện tử của Công ty, các buổi công bố Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các buổi diễn đàn đầu tư hay các hội nghị chuyên đề, Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và gửi email đến từng nhà đầu tư.



V. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

94

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG CỦA PSI

96

ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN TRONG
HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

98

NỘI DUNG BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG



ĐỊNH HƯỚNG & MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI



ĐỊNH HƯỚNG

Trong bối cảnh thị trường tài chính không ngừng biến động, phát triển bền vững là yếu tố cốt lõi giúp Công ty duy trì sự ổn định và tăng trưởng dài hạn. Nhận thức được điều này, ngay từ những ngày đầu thành lập, PSI đã tập trung vào chiến lược phát triển thương hiệu Công ty Chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng; không chỉ tập trung vào lợi nhuận mà còn gắn liền với trách nhiệm kinh tế, xã hội và môi trường, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của doanh nghiệp và cộng đồng.

PSI xác định rõ 03 mục tiêu chính đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp:

MỤC TIÊU KINH TẾ

Duy trì tăng trưởng ổn định và bền vững, góp phần thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông. Đồng thời, nâng cao thu nhập cho người lao động và áp dụng quản trị rủi ro chặt chẽ nhằm giảm thiểu tổn thất tài chính cho Công ty và khách hàng.

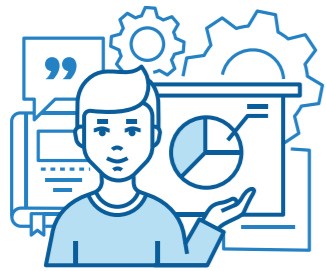
MỤC TIÊU XÃ HỘI

PSI cam kết tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động và đầu tư phát triển nhân sự, hướng đến đóng góp tích cực cho Công ty và cộng đồng. Với phương châm "Khách hàng là trọng tâm," Công ty không ngừng cải tiến sản phẩm đầu tư, nâng cấp hệ thống giao dịch, đáp ứng nhu cầu thị trường và mang lại sự hài lòng, tin tưởng cho khách hàng. Song song với việc tập trung cải thiện chế độ thu nhập và chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ nhân viên, PSI cũng tích cực tham gia đóng góp cho cộng đồng xã hội thông qua các hoạt động thiện nguyện.

MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG

Xây dựng môi trường làm việc xanh sạch, khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng các sản phẩm vật tư thân thiện với môi trường; tiết kiệm điện, nước và giấy; phủ xanh không gian làm việc; và thêm vào đó, hưởng ứng tích cực các sáng kiến hoạt động bảo vệ môi trường thông qua công tác truyền thông.

ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mang đến cho nhân viên môi trường làm việc rộng mở, nhiều thách thức với mức thù lao cạnh tranh, tạo ra cơ hội công bằng để mọi thành viên có điều kiện phát triển sự nghiệp, phát triển năng lực cá nhân.

Chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn của các bộ, công nhân viên.

Thu hút nhân tài phục vụ phát triển kinh doanh.

Ghi nhận, đánh giá công bằng với cá nhân có thành tích xuất sắc, cống hiến và đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp.



KHÁCH HÀNG

Phát triển thương hiệu Công ty Chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng.

Nỗ lực khẳng định thương hiệu Chứng khoán Dầu khí trên thị trường tài chính.

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về tài chính đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mang đến cho khách hàng những khuyến nghị hợp lý, nhanh chóng, tiện lợi, hiệu quả với chi phí cạnh tranh.



CỔ ĐÔNG & NHÀ ĐẦU TƯ

Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Nhà đầu tư.

Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời.

Đảm bảo khoản đầu tư của các cổ đông và mang lại cho cổ đông lợi nhuận bền vững.



CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội thông qua các hoạt động thiện nguyện.

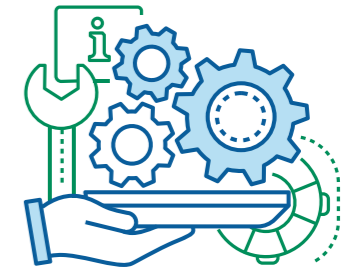
Tích cực thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp thông qua dự án phát triển giáo dục với các trường đại học.



CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG, BÁO CHÍ

Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

Hợp tác phát triển công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu.



CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Tuân thủ pháp Luật, áp dụng, triển khai các chủ trương, chính sách, quy định được đề ra bởi các cơ quan chức năng.

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01

NGƯỜI LAO ĐỘNG: NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG NHẤT

Năm 2024 là một năm đầy thử thách cho nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Sự biến động của chỉ số VN-Index và giá trị giao dịch trên thị trường đã tác động đến các công ty trong ngành chứng khoán bao gồm PSI. Tuy vậy, với nền tảng vững chắc, mô hình kinh doanh có tính chống chịu cao và nỗ lực của toàn thể nhân viên, PSI vẫn duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả, đồng thời đảm bảo thu nhập và các phúc lợi cho cán bộ nhân viên.

Bên cạnh các phúc lợi lao động cơ bản, PSI còn đặc biệt chú trọng đến việc cải thiện sức khỏe và tinh thần đoàn kết của cán bộ nhân viên thông qua các hoạt động thể thao. Do đó, nhằm thúc đẩy tinh thần vận động và nâng cao sức mạnh thể chất của các thành viên trong gia đình PSI, công ty đã tài trợ toàn bộ chi phí cho nhân viên tham gia vào các câu lạc bộ thể thao nội bộ như bóng đá, chạy bộ. Các hoạt động thể dục thể thao tại PSI luôn nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình và sôi nổi của tập thể nhân viên, với các buổi sinh hoạt vẫn diễn ra định kỳ hàng tuần, tạo môi trường rèn luyện sức khỏe hiệu quả và gắn kết.

PSI chú trọng triển khai các hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo chuyên sâu thông qua các khóa học của Ủy ban Chứng khoán, chứng chỉ tài chính quốc tế (CFA, ACCA) để đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn của ngành. Đồng thời, thiết kế lộ trình phát triển, thăng tiến phù hợp với cán bộ nhân viên.

Liên tục cải tiến, áp dụng Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để trả lương theo năng lực, chất lượng công việc, sự cống hiến, đóng góp.

02

KHÁCH HÀNG: TRUNG TÂM CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA PSI

Luôn lắng nghe khách hàng để thấu hiểu khách hàng hơn.

PSI tin rằng mang đến những trải nghiệm khách hàng tốt và cung cấp các dịch vụ, sản phẩm uy tín, chất lượng cao là yếu tố tiên quyết để gia tăng giá trị và sự tin nhiệm của khách hàng, từ đó, đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn.

Nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm.

Hiểu được những khó khăn của Nhà đầu tư trong khả năng tiếp cận nguồn thông tin, dữ liệu tin cậy trên thị trường đầu tư chứng khoán, PSI tích cực đầu tư, đẩy mạnh hoạt động tư vấn, phân tích để gửi tới khách hàng các báo cáo chất lượng, là cầu nối thông tin giữa các chuyên gia phân tích cao cấp của PSI với Nhà đầu tư. Nội dung được cập nhật liên tục, mang tính thời sự, chăm sóc khách hàng nhanh chóng, chất lượng tư vấn hiệu quả luôn là tiêu chí hàng đầu của PSI. Thông qua việc mở rộng, đa dạng hóa các hình thức tiếp cận khách hàng, PSI đã và đang tiếp cận đến nhiều khách hàng hơn và nhận được sự ủng hộ, tin tưởng, hài lòng của đại đa số các nhà đầu tư.

03

CỔ ĐÔNG & NHÀ ĐẦU TƯ: TỐI ƯU HÓA GIÁ TRỊ CỔ ĐÔNG

Duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả, bền vững.

PSI không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tận dụng các nguồn lực có sẵn, chú trọng phát triển sức mạnh nội tại để gia tăng giá trị của Công ty, đồng thời linh hoạt triển khai, áp dụng các chiến lược kinh doanh phù hợp.

Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch.

PSI thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và tuân thủ chặt chẽ theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và Thông tư 68/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính. Các thông tin được công bố trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử PSI, và các phương tiện truyền thông, đảm bảo sự bình đẳng trong quá trình tiếp cận thông tin doanh nghiệp. Tại PSI, hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư (IR) được chú trọng thực hiện một cách bài bản và được quy chuẩn hóa. PSI dành một nguồn lực đáng kể cho hoạt động IR nhằm đảm bảo quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông. Thông qua các cuộc họp ĐHCHĐ và Báo cáo Thường niên, cổ đông của PSI được nhận đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh và tất cả các hoạt động về phát triển chiến lược của Công ty.

04

THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

PSI xác định rõ hành động đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng thông qua việc hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động và đã vinh dự được nhận Giải thưởng Top 5 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Việt Nam năm 2024 - Nhóm doanh nghiệp vừa do Career Builder bình chọn.

Đồng hành cùng thế hệ trẻ.

PSI luôn tạo cơ hội cho thế hệ trẻ như thực tập sinh được đào tạo, làm việc, trải nghiệm thực tế trong môi trường tài chính chuyên nghiệp, thiết lập nền tảng vững chắc cho sự nghiệp của bản thân trong tương lai. Năm 2024, PSI đã thực hiện trao học bổng "Thắp sáng niềm tin PSI" - Chắp cánh ước mơ cho những sinh viên xuất sắc của Trường Kinh tế và Quản lý công - Đại học Kinh tế Quốc dân. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp và giáo dục, với mục tiêu kết nối lý thuyết học thuật và thực tiễn kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nền kinh tế Việt Nam.

Đoàn kết và bền bỉ chung tay vì cộng đồng trên nhiều phương diện.

PSI đã tổ chức các chương trình CSR trên nhiều tỉnh thành cả nước như Thái Nguyên... gồm thăm và tặng quà cho các mái ấm, trung tâm nuôi dưỡng các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

05

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước

Tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến ngành Chứng khoán – Tài chính là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của PSI, nhằm đảm bảo phát triển bền vững cho chính doanh nghiệp, tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín Công ty.

Làm tròn nghĩa vụ đóng thuế đối với Nhà nước là cam kết của PSI trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

06

CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG, BÁO CHÍ

Sẵn sàng cởi mở chia sẻ thông tin trên các phương tiện truyền thông, báo chí.

PSI đã xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững với những đơn vị truyền thông lớn về Kinh tế – Tài chính và trong ngành công nghiệp Năng lượng ở Việt Nam như CafeF, Báo Đầu tư Chứng khoán, Tạp chí Công thương, VnExpress, Petrotimes... Thông qua hợp tác, cơ quan báo chí và PSI thắt chặt thêm mối quan hệ hữu nghị, tin cậy, hiểu biết lẫn nhau. Nhờ mối quan hệ hợp tác, các đơn vị truyền thông, báo chí đã góp phần làm cho nội dung thông tin, tuyên truyền về nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của PSI trên các ấn phẩm bảo đảm đúng định hướng.

Thông qua hợp tác với các cơ quan báo chí, PSI có thêm người bạn đồng hành trong công tác tuyên truyền, từ đó kết nối thêm được nhiều đối tượng công chúng ở nhiều địa bàn, nhiều lĩnh vực, phạm vi khác nhau.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

104	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
106	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
108	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
113	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
117	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
122	BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
124	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 09 năm 2020. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102095561, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà	Hồ Việt Hà	Ủy viên
Ông	Trịnh Thế Phương	Ủy viên
Ông	Trần Tuấn Anh	Ủy viên
Bà	Phan Quỳnh Nga	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà	Phan Quỳnh Nga	Giám đốc	
Bà	Lưu Thị Việt Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/09/2024
Ông	Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc	Hết nhiệm kỳ ngày 19/03/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Nguyễn Thị An	Trưởng ban
Ông	Bùi Thế Anh	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thu	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bà Phan Quỳnh Nga – Giám đốc được Ông Nguyễn Anh Tuấn ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Giấy ủy quyền số 39/UQ-NDD-CKDK ngày 03/12/2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán Dầu khí.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn

chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được lập ngày 21 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 5 - “Các loại tài sản tài chính” phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2024, tài sản tài chính sẵn sàng để bán của Công ty bao gồm các khoản đầu tư với giá trị sổ sách là 141,5 tỷ đồng, chiếm trên 20% vốn chủ sở hữu, phát sinh từ năm 2012 trở về trước và không phát sinh đầu tư thêm đến thời điểm hiện tại. Công ty đã thực hiện trích dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán với giá trị lũy kế đến 31/12/2024 là 63,5 tỷ đồng, thanh lý một số khoản đầu tư không có hiệu quả và đang nỗ lực thực hiện các biện pháp nhằm đưa tỷ lệ sở hữu các tài sản tài chính này về đúng quy định tại Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của Chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
				VND	VND
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.554.954.970.038	2.219.902.251.373
110	I.	Tài sản tài chính		2.457.067.313.017	2.157.034.677.769
111	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	476.646.044.128	353.654.864.680
111.1	1.1	Tiền		326.646.044.128	353.654.864.680
111.2	1.2	Các khoản tương đương tiền		150.000.000.000	-
112	2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	181.917.356.859	114.139.692.385
113	3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	611.019.178.082	634.000.000.000
114	4.	Các khoản cho vay	5	1.018.033.032.249	877.785.976.326
115	5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	141.599.984.323	146.594.244.123
116	6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(63.508.096.704)	(67.435.363.841)
117	7.	Các khoản phải thu	7	87.765.014.623	94.618.905.222
117.1	7.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		64.731.573.080	66.292.346.074
117.2	7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		23.033.441.543	28.326.559.148
117.3	7.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		13.749.840.719	11.247.101.749
117.4	7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		9.283.600.824	17.079.457.399
118	8.	Trả trước cho người bán		1.326.639.980	1.509.056.890
119	9.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	7.790.563.815	7.464.790.695
122	10.	Các khoản phải thu khác	7	10.276.192.915	10.501.108.542
129	11.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(15.798.597.253)	(15.798.597.253)
130	II.	Tài sản ngắn hạn khác		97.887.657.021	62.867.573.604
131	1.	Tạm ứng		148.953.560	126.953.560
133	2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.717.203.461	2.252.690.044

134	3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	95.021.500.000	60.487.930.000
137	4.	Tài sản ngắn hạn khác		209.000.000	209.000.000
139	5.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		(209.000.000)	(209.000.000)
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		43.678.724.692	34.243.141.681
220	II.	Tài sản cố định		11.318.566.503	8.700.219.414
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	8.889.739.754	3.513.926.008
222	-	Nguyên giá		36.229.105.021	27.630.859.021
223a	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.339.365.267)	(24.116.933.013)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	12	2.428.826.749	5.186.293.406
228	-	Nguyên giá		34.164.198.554	33.249.140.035
229a	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.735.371.805)	(28.062.846.629)
250	V.	Tài sản dài hạn khác		32.360.158.189	25.542.922.267
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	1.940.511.160	1.975.879.250
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	9	9.218.880.197	2.737.845.522
254	3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	21.200.766.832	20.829.197.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN			2.598.633.694.730	2.254.145.393.054
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		1.890.976.789.478	1.571.392.750.715
310	I	Nợ phải trả ngắn hạn		1.820.976.870.905	1.521.292.277.973
311	1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	1.566.489.645.946	1.328.338.083.274
312	1.1	Vay ngắn hạn		1.566.489.645.946	1.328.338.083.274
316	2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	15	-	24.000.000.000
318	3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	2.635.213.823	1.766.086.943
320	4	Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.159.017.562	1.503.365.728
321	5	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		663.431.488	2.310.367.520
322	6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	5.406.311.527	8.631.590.976

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

323	7	Phải trả người lao động		883.978.211	3.756.589.343
324	8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		425.599.121	720.800.762
325	9	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	22.430.501.206	12.641.744.734
328	10	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		100.000.000	-
329	11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	220.319.052.717	137.460.179.389
331	12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		464.119.304	163.469.304
340	II	Nợ phải trả dài hạn		69.999.918.573	50.100.472.742
346	1.	Trái phiếu phát hành dài hạn	15	69.899.445.831	50.000.000.000
352	2.	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20	90.000.000	90.000.000
355	3.	Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư		10.472.742	10.472.742
400	D	VỐN CHỦ SỞ HỮU		707.656.905.252	682.752.642.339
410	I	Vốn chủ sở hữu	22	707.656.905.252	682.752.642.339
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		624.576.190.150	624.576.190.150
411.1	1.1	Vốn góp của chủ sở hữu		598.413.000.000	598.413.000.000
411.1a	a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		598.413.000.000	598.413.000.000
411.2	1.2	Thặng dư vốn cổ phần		26.163.190.150	26.163.190.150
414	2.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.732.088.575	4.732.088.575
415	3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.721.738.575	4.721.738.575
417	4.	Lợi nhuận chưa phân phối		73.626.887.952	48.722.625.039
417.1	4.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		75.584.361.547	52.456.186.948
417.2	4.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(1.957.473.595)	(3.733.561.909)
440		TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.598.633.694.730	2.254.145.393.054

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại	23	-	60.901
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		59.841.300	59.841.300
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán		876.102	911.067
009	4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		10	8
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		13.635.661	13.720.116
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		2.443.116.403	2.323.719.674
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		2.017.368.218	1.976.706.607
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		212.781.744	156.921.147
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		191.050.852	183.544.979
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		10.673	28.521
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		21.904.916	6.518.420
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		2.550.778	1.809.402
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		2.547.158	809.402
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		3.620	1.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư		3.043.786	6.727.468

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
26	4. Tiền gửi của khách hàng	24	175.424.977.681	329.575.787.103
27	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		170.979.623.393	298.031.528.583
29	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		4.445.354.288	31.544.258.520
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		3.946.759.560	31.116.090.704
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		498.594.728	428.167.816
31	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	175.424.977.681	329.575.787.103
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		175.047.903.558	294.371.790.898
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		377.074.123	35.203.996.205


Đỗ Thị Hải Yến
Người lập


Nguyễn Thị Hồng
Phụ trách kế toán


Phan Quỳnh Nga
Giám đốc



Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
				VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1	1.1	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		80.373.238.907	83.094.360.450
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	72.382.851.363	72.286.958.927
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	27.b)	7.349.442.651	9.962.304.857
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.c)	640.944.893	845.096.666
2	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	27.c)	35.658.953.829	40.761.408.837
3	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.c)	141.539.568.415	107.803.615.783
4	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		500.000.000	-
5	0.4	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro		-	-
6	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		49.540.404.339	43.628.106.624
7	0.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	-
8	0.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	-
9	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.895.402.154	7.412.693.934
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		10.730.352.364	9.482.289.090
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	27.d)	17.298.515.582	7.436.097.984
20	Cộng doanh thu hoạt động			343.536.435.590	299.618.572.702

Mã số	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
				VND	VND
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		62.952.849.172	43.604.048.296
21.1	a.	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	57.215.331.009	34.955.817.539
21.2	b.	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.b)	5.573.354.337	7.888.292.604
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		164.163.826	759.938.153
22	0.1	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	-
23	0.1	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		-	-
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		1.072.732.863	5.439.629.312
25	0.2	Lỗ từ các tài sản tài chính phải sinh phòng ngừa rủi ro		-	-
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh		2.799.311.680	17.126.228.641
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		86.354.745.341	98.497.206.238
28	0.4	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	-
29	0.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	-
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.686.922.758	8.096.889.003
31	2.6	2.6 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		6.144.048.982	9.566.975.916
32	2.7	2.7 Chi phí các dịch vụ khác		1.063.014.248	(458.534.565)
40	Cộng chi phí hoạt động			168.073.625.044	181.872.442.841

Mã số	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
				VND	VND
III.	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		28		
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		240.755.297	59.694.396
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		1.955.663.328	1.928.369.930
43	0.2	Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh			
44	0.2	Doanh thu khác về đầu tư			
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính			2.196.418.625	1.988.064.326
IV.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH		29		
51	4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		139.105.365	40.605.232
52	4.2	Chi phí lãi vay		93.684.694.171	43.633.078.309
53	0.2	Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh		-	-
54	0.2	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
55	0.2	Chi phí tài chính khác		-	-
60	Cộng chi phí tài chính			93.823.799.536	43.673.683.541
61	V.	CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	V.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	50.087.445.225	45.474.513.977
70	VI.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		33.747.984.410	30.585.996.669
	VII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	7.1	Thu nhập khác	31	1.560.007.629	273.137.500
72	7.2	Chi phí khác	32	2.135.230.946	84.910.040
80	Cộng kết quả hoạt động khác			(575.223.317)	188.227.460
90	VIII.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		33.172.761.093	30.774.224.129
91	8.1	Lợi nhuận đã thực hiện		31.396.672.779	28.700.211.876
92	8.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		1.776.088.314	2.074.012.253

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
011.	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		33.172.761.093	30.774.224.129
022.	Điều chỉnh cho các khoản		99.696.721.136	53.890.481.128
03	- Khấu hao tài sản cố định		6.894.957.430	7.197.493.019
04	- Các khoản dự phòng		1.072.732.863	4.981.094.747
05	- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	7.184.983
06	- Chi phí lãi vay		93.684.694.171	43.633.078.309
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.955.663.328)	(1.928.369.930)
08	- Dự thu tiền lãi		-	-
09	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		5.573.354.337	7.888.292.604
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		5.573.354.337	7.888.292.604
12	- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	-
13	- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay		-	-
14	- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý của TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại		-	-
15	- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT		-	-
16	- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
17	- Lỗ khác		-	-

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	7.268.498.180	6.317.888.592
100.1	9.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		7.268.498.180	6.317.888.592
100.2	0.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.	-	-
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		25.904.262.913	24.456.335.537
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
301	0.0 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-
302	0.0 Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài		-	-
303	0.0 Lãi/(lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý		-	-
304	0.0 Lãi/ (lỗ) toàn diện khác		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		-	-
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	12.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	433	409


Đỗ Thị Hải Yến
Người lập


Nguyễn Thị Hồng
Phụ trách kế toán


Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

18	4.	Giảm các doanh thu phi tiền tệ	(7.349.442.651)	(9.962.304.857)
19	-	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	(7.349.442.651)	(9.962.304.857)
20	-	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi	-	-
21	-	Lãi khác	-	-
30	5.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(234.595.581.779)	339.744.314.959
31	-	Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	(66.001.576.160)	82.419.173.343
32	-	Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22.980.821.918	(6.041.512.103)
33	-	Tăng (giảm) các khoản cho vay	(140.247.055.923)	(126.555.516.819)
34	-	Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	(5.740.200)	(431.290)
35	-	(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	1.560.772.994	(66.292.346.074)
36	-	(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	5.293.117.605	(983.577.731)
37	-	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(1.972.709.152)	(2.906.265.808)
38	-	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	-	-
39	-	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	224.915.627	659.329.164
40	-	Tăng (giảm) các tài sản khác	(393.569.337)	(2.134.747.211)
41	-	Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	-	(1.890.571.906)
42	-	Tăng (giảm) chi phí trả trước	(6.945.548.092)	2.884.943.867
43	-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.568.489.194)	-
44	-	Lãi vay đã trả	(83.895.937.699)	(45.801.242.735)
45	-	Tăng, (giảm) phải trả cho người bán	(161.931.256)	(344.599.198)
46	-	Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	(295.201.641)	(458.391.538)
47	-	Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)	74.711.565	(3.477.106.431)

48	-	Tăng, (giảm) phải trả người lao động	(2.872.611.132)	(1.182.211.530)
49	-	Tăng, (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	-	-
50	-	Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	83.828.000.208	573.185.495.959
51	-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	315.241.195.250	344.903.000
52	-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(350.438.747.160)	(61.681.010.000)
60		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(103.502.187.864)	422.335.007.963
	II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
61	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(9.513.304.519)	(810.000.000)
62	1.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	-	-
63	1.	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	-	-
64	1.	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	-	-
65	2.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.955.663.328	1.928.369.930
70		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(7.557.641.191)	1.118.369.930
	III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
71	1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
72	2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	-	-
73	3.	Tiền vay gốc	60.294.329.128.756	4.908.584.174.113
73.1	3	Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-
73.2	3	Tiền vay khác	-	-
74	4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(60.060.278.120.253)	(5.259.644.174.113)
74.1	4.1	Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-
74.2	4.2	Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		66.996.038.416.112	14.366.019.003.537
2	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(50.758.338.586.088)	(13.439.231.694.889)
8	3. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(16.383.955.237.292)	(975.332.739.232)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(7.895.402.154)	(7.412.693.934)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.707.469.607.384	3.504.118.385.103
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.707.469.607.384)	(3.504.118.385.103)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(154.150.809.422)	(55.958.124.518)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		329.575.787.103	385.533.911.621
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		329.575.787.103	385.533.911.621
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		298.031.528.583	377.949.819.419
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		31.544.258.520	7.584.092.202
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	24	175.424.977.681	329.575.787.103
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		175.424.977.681	329.575.787.103
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		175.047.903.558	294.371.790.898
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		377.074.123	35.203.996.205


Đỗ Thị Hải Yến
Người lập


Nguyễn Thị Hồng
Phụ trách kế toán

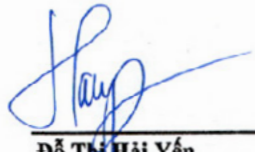

Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

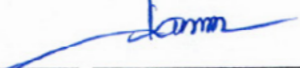
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2024

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2023	01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		31/12/2023	31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND		VND		VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		624.576.190.150	624.576.190.150	-	-	-	-	624.576.190.150	624.576.190.150
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		598.413.000.000	598.413.000.000	-	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		26.163.190.150	26.163.190.150	-	-	-	-	26.163.190.150	26.163.190.150
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.732.088.575	4.732.088.575	-	-	-	-	4.732.088.575	4.732.088.575
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.721.738.575	4.721.738.575	-	-	-	-	4.721.738.575	4.721.738.575
Lợi nhuận chưa phân phối		25.016.289.502	48.722.625.039	24.456.335.537	750.000.000	25.904.262.913	1.000.000.000	48.722.625.039	73.626.887.952
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		30.823.863.664	52.456.186.948	22.382.323.284	750.000.000	24.128.174.599	1.000.000.000	52.456.186.948	75.584.361.547
Lợi nhuận chưa thực hiện		(5.807.574.162)	(3.733.561.909)	2.074.012.253	-	1.776.088.314	-	(3.733.561.909)	(1.957.473.595)
TỔNG CỘNG		659.046.306.802	682.752.642.339	24.456.335.537	750.000.000	25.904.262.913	1.000.000.000	682.752.642.339	707.656.905.252


Đỗ Thị Hải Yến
Người lập


Nguyễn Thị Hồng
Phụ trách kế toán


Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 09 năm 2020. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102095561, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 598.413.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 598,413,000,000 đồng; tương đương 59,841,300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 151 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 153 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 21 tháng 07 năm 2010 với mã giao dịch là PSI.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Lầu 1 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng G và Tầng 2 tòa nhà PVComBank Đà Nẵng, lô A2.1, đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.6 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính

không đủ điều kiện dùng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính cụ thể như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty. Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30 %
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50 %
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70 %
Từ ba (03) năm trở lên	100 %

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-------------------------------------|-----------|
| • Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 03-07 năm |
| • Các tài sản khác | 03-05 năm |
| • Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế | 02-06 năm |

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí dịch vụ bản quyền và các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và Chi phí/ thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.17 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra (giá vốn của FVTPL được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền). Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.18 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.19 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.20 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	41.791.005	4.357.566.068.480
Cổ phiếu	39.285	1.505.026.300
Trái phiếu	41.751.720	4.356.061.042.180
Của nhà đầu tư	1.386.575.413	30.384.035.351.650
Cổ phiếu	1.307.149.292	25.327.199.696.580
Trái phiếu	49.757.900	5.042.829.754.100
Chứng khoán khác	29.668.221	14.005.900.970
	1.428.366.418	34.741.601.420.130

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	2.879.862	2.551.454
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	204.977.906.912	186.341.503.113
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	121.665.257.354	167.310.810.113
Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	-
	476.646.044.128	353.654.864.680

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 150.000.000.000VND đã được tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm.

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu upcom	16.240.722.295	14.283.248.700	17.218.631.039	13.485.069.130
Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi	167.634.108.159	167.634.108.159	100.654.623.255	100.654.623.255
	183.874.830.454	181.917.356.859	117.873.254.294	114.139.692.385

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	136.699.984.323	76.161.936.848	141.694.244.123	77.165.237.326
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	4.900.000.000	1.929.950.771	4.900.000.000	1.993.642.956
	141.599.984.323	78.091.887.619	146.594.244.123	79.158.880.282

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm (*)	611.019.178.082	484.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	150.000.000.000
	611.019.178.082	634.000.000.000

(*) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,8%/năm.

d) Các khoản vay

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Hoạt động margin	794.620.146.265	804.564.166.646
Hoạt động ứng trước tiền bán	223.412.885.984	73.221.809.680
	1.018.033.032.249	877.785.976.326

- Trường hợp Công ty chứng khoán hạch toán tài sản tài chính theo phương pháp giá gốc

e). Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại		
31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
FVTPL	183.874.830.454	117.873.254.294	181.917.356.859	114.139.692.385	752.715.000	255.252.501	(2.710.188.595)	(3.988.814.410)	181.917.356.859	114.139.692.385
Chứng khoán niêm yết/Upcom	16.240.722.295	17.218.631.039	14.283.248.700	13.485.069.130	752.715.000	255.252.501	(2.710.188.595)	(3.988.814.410)	14.283.248.700	13.485.069.130
PAI	5.018.100.000	5.018.100.000	5.770.815.000	4.867.557.000	752.715.000	-	-	(150.543.000)	5.770.815.000	4.867.557.000
PAN	9.750.116.561	9.750.116.561	7.599.620.000	6.463.676.800	-	-	(2.150.496.561)	(3.286.439.761)	7.599.620.000	6.463.676.800
VPB	1.975.867	1.975.867	1.593.600	1.593.600	-	-	(382.267)	(382.267)	1.593.600	1.593.600
Các chứng khoán khác	1.470.529.867	2.448.438.611	911.220.100	2.152.241.730	-	255.252.501	(559.309.767)	(551.449.382)	911.220.100	2.152.241.730
Trái phiếu/ Chứng chỉ tiền gửi	167.634.108.159	100.654.623.255	167.634.108.159	100.654.623.255	-	-	-	-	167.634.108.159	100.654.623.255
Trái phiếu CTCP FECON	50.000.000.000	50.256.164.384	50.000.000.000	50.256.164.384	-	-	-	-	50.000.000.000	50.256.164.384
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hải Phát	16.205.024.059	50.398.458.871	16.205.024.059	50.398.458.871	-	-	-	-	16.205.024.059	50.398.458.871
Chứng chỉ tiền gửi	101.429.084.100	-	101.429.084.100	-	-	-	-	-	101.429.084.100	-
AFS	141.599.984.323	146.594.244.123	78.091.887.619	79.158.880.282	-	-	(63.508.096.704)	(67.435.363.841)	78.091.887.619	79.158.880.282
Cổ phiếu chưa niêm yết	136.699.984.323	141.694.244.123	76.161.936.848	77.165.237.326	-	-	(60.538.047.475)	(64.529.006.797)	76.161.936.848	77.165.237.326
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	-	5.000.000.000	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (1)	25.392.900.028	25.392.900.028	-	-	-	-	(25.392.900.028)	(25.392.900.028)	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh Quảng Ngãi (1)	7.650.000.000	7.650.000.000	-	-	-	-	(7.650.000.000)	(7.650.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thanh Sơn (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (1)	18.750.000.000	18.750.000.000	9.467.419.446	10.147.898.034	-	-	(9.282.580.554)	(8.602.101.966)	9.467.419.446	10.147.898.034
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	10.835.250.000	10.835.250.000	10.835.250.000	10.835.250.000	-	-	-	-	10.835.250.000	10.835.250.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn	13.981.000.000	13.981.000.000	13.981.000.000	13.981.000.000	-	-	-	-	13.981.000.000	13.981.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (1)	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	-	-	-	-	34.000.000.000	34.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam (PVCİ)(1)	16.068.000.000	16.068.000.000	7.855.433.107	8.183.995.197	-	-	(8.212.566.893)	(7.884.004.803)	7.855.433.107	8.183.995.197
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	22.834.295	17.094.095	22.834.295	17.094.095	-	-	-	-	22.834.295	17.094.095
Ủy thác đầu tư vào PVCİ	4.900.000.000	4.900.000.000	1.929.950.771	1.993.642.956	-	-	(2.970.049.229)	(2.906.357.044)	1.929.950.771	1.993.642.956
	325.474.814.777	264.467.498.417	260.009.244.478	193.298.572.667	752.715.000	255.252.501	(66.218.285.299)	(71.424.178.251)	260.009.244.478	193.298.572.667

Ghi chú:

(1) Các khoản đầu tư Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, giá trị thị trường của các khoản đầu tư này được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và dự phòng đã trích lập.

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty đang trực tiếp đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết trên khoản mục tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) với số tiền là 141,5 tỷ đồng chiếm trên 20% vốn chủ sở hữu, phát sinh từ năm 2012 trở về trước và không phát sinh đầu tư thêm đến thời điểm hiện tại. Công ty đang nỗ lực thỏa thuận với các nhà đầu tư, các cổ đông quan tâm có nhu cầu mua lại các cổ phiếu còn lại để thực hiện chuyển nhượng nhằm đưa tỷ lệ sở hữu về đúng ngưỡng quy định tại Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.

6. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	63.508.096.704	67.435.363.841
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	25.392.900.028	25.392.900.028
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh Quảng Ngãi	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Thanh Sơn	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	9.282.580.554	8.602.101.966
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam	11.182.616.122	10.790.361.847
	63.508.096.704	67.435.363.841

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	9.283.600.824	17.079.457.399
Các khoản phải thu các khoản đầu tư đáo hạn (*)	64.731.573.080	66.292.346.074
Phải thu lãi hoạt động Margin	6.620.118.508	4.117.379.538
Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	7.129.722.211	7.129.722.211
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7.790.563.815	7.464.790.695
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	376.699.994	206.026.874
- Phải thu hoạt động tư vấn	6.371.349.931	6.491.049.931
- Phải thu các dịch vụ khác	1.042.513.890	767.713.890
Phải thu khác	10.276.192.915	10.501.108.542
- Phải thu khác	10.276.192.915	10.501.108.542
	105.831.771.353	112.584.804.459

(*) Khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn thanh toán của tổ chức phát hành. Công ty đã thực hiện ký kết thỏa thuận chuyển giao quyền, lợi ích các lô trái phiếu này với đối tác được đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bằng hợp đồng nhận, quản lý tài sản đảm bảo, hợp đồng thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai và thỏa thuận quản lý tài khoản.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm Nay			
	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu năm	Số trích lập	Số hoàn nhập
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	7.129.722.211	7.129.722.211	-	7.129.722.211
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	7.129.722.211	7.129.722.211	-	7.129.722.211
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	8.668.875.042	8.668.875.042	-	8.668.875.042
- Phải thu hoạt động tư vấn	5.992.949.931	5.992.949.931	-	5.992.949.931
- Phải thu các dịch vụ khác	517.713.890	517.713.890	-	517.713.890
- Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ Margin	2.158.211.221	2.158.211.221	-	2.158.211.221
	15.798.597.253	15.798.597.253	-	15.798.597.253

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Cước thuê kênh internet và dịch vụ cung cấp thông tin	180.794.997	73.697.622
Chi phí cải tạo và thuê văn phòng	655.884.488	682.360.343
Chi phí bảo trì phần mềm	897.536.839	1.456.437.083
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	982.987.137	40.194.996
	2.717.203.461	2.252.690.044

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí truyền thông phát triển dịch vụ	6.930.000.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	439.657.553	717.297.697
Chi phí cải tạo và thuê văn phòng	281.858.894	972.909.052
Chi phí trả trước cước leased line Internet	11.458.350	231.956.877
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.555.905.400	815.681.896
	9.218.880.197	2.737.845.522

10. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a) Ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Đặt cọc hợp đồng đặt mua chứng khoán (*)	95.000.000.000	60.487.930.000
Đặt cọc thuê văn phòng	21.500.000	-
	95.021.500.000	60.487.930.000

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Đặt cọc thuê văn phòng và dịch vụ khác	1.940.511.160	1.975.879.250
	1.940.511.160	1.975.879.250

(*) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	3.398.642.200	24.232.216.821	27.630.859.021
Mua trong năm	-	8.598.246.000	8.598.246.000
Tại ngày 31/12/2024	3.398.642.200	32.830.462.821	36.229.105.021
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	2.186.652.892	21.930.280.121	24.116.933.013
Khấu hao trong năm	424.420.008	2.798.012.246	3.222.432.254
Tại ngày 31/12/2024	2.611.072.900	24.728.292.367	27.339.365.267
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	1.211.989.308	2.301.936.700	3.513.926.008
Tại ngày 31/12/2024	787.569.300	8.102.170.454	8.889.739.754

Trong đó:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.281.181.593 VND.
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	32.209.140.035	1.040.000.000	33.249.140.035
Mua trong năm	915.058.519	-	915.058.519
Tại ngày 31/12/2024	33.124.198.554	1.040.000.000	34.164.198.554
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	27.022.846.629	1.040.000.000	28.062.846.629
Khấu hao trong năm	3.672.525.176	-	3.672.525.176
Tại ngày 31/12/2024	30.695.371.805	1.040.000.000	31.735.371.805
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	5.186.293.406	-	5.186.293.406
Tại ngày 31/12/2024	2.428.826.749	-	2.428.826.749

Trong đó:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.546.441.295 VND.
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung và lãi phân bổ lũy kế	21.080.766.832	20.709.197.495
Số dư cuối năm	21.200.766.832	20.829.197.495

14. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2024 VND
Vay ngân hàng	620.920.000.000	6.306.600.000.000	(6.126.820.000.000)	800.700.000.000
Vay đối tượng khác	707.418.083.274	53.967.829.682.925	(53.909.458.120.253)	765.789.645.946
	1.328.338.083.274	60.274.429.682.925	(60.036.278.120.253)	1.566.489.645.946

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (1)	245.000.000.000	196.100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (2)	405.700.000.000	424.820.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội (3)	100.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - CN Thăng Long (4)	50.000.000.000	-
Vay các tổ chức cá nhân (5)	765.789.645.946	707.418.083.274
	1.566.489.645.946	1.328.338.083.274

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ

(1) Các hợp đồng thấu chi ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà

Thành với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán;
- Thời hạn của hợp đồng: dưới 12 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành.

(2) Các hợp đồng thấu chi ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh phát hành;
- Thời hạn của hợp đồng: dưới 12 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà.

(3) Các hợp đồng thấu chi ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội với các

điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh phát hành;
- Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng;
- Lãi suất: 3,3%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội.

(4) Các hợp đồng thấu chi ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - CN Thăng Long với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh phát hành;
- Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng;
- Lãi suất: 3,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - CN Thăng Long.

(5) Các hợp đồng vay tổ chức, cá nhân với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: dưới 12 tháng;
- Lãi suất: được xác định trong từng đề nghị cho vay cụ thể theo chế độ lãi suất của Công ty với khách hàng theo từng hợp đồng vay cụ thể;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

15. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
a) Ngắn hạn		
Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi ngắn hạn	-	24.000.000.000
	-	24.000.000.000

	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
b) Dài hạn		
Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi dài hạn (*)	69.899.445.831	50.000.000.000
	69.899.445.831	50.000.000.000

(*) Thông tin về kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ còn số dư tại 31/12/2024 Thông tin về mã trái phiếu PSIH2326002:

- Mệnh giá: 100.000.000 đồng/1 trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu đang lưu hành tính đến 31/12/2024: 500 trái phiếu;
- Lãi suất danh nghĩa: Lãi suất cố định từ 9,95 %/năm;
- Ngày đáo hạn trái phiếu: 31/08/2026;
- Mục đích phát hành: cơ cấu lại nợ của Công ty.

Thông tin về mã trái phiếu PSIH2426001:

- Mệnh giá: 100.000.000 đồng/1 trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu đang lưu hành có chiết khấu tính đến 31/12/2024: 200 trái phiếu;
- Lãi suất danh nghĩa: Lãi suất cố định từ 8,9%/năm;
- Ngày đáo hạn trái phiếu: 05/01/2026;
- Mục đích phát hành: cơ cấu lại nợ của Công ty.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	90.568.515	615.365.629
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	342.833.039	478.822.527
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	2.201.812.269	671.898.787
	2.635.213.823	1.766.086.943

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	215.547.946	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	767.435.967
Công ty Cổ phần Công nghệ tin học và dịch vụ Goline	109.900.000	266.030.000
Tập Đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel	149.790.000	2.500.000
Phải trả các đối tượng khác	683.779.616	467.399.761
	1.159.017.562	1.503.365.728

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
Thuế Giá trị gia tăng	131.730.496	274.365.464
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.932.316.839	6.232.307.853
Thuế Thu nhập cá nhân	2.342.264.192	2.085.219.029
Các loại thuế khác	-	39.698.630
	5.406.311.527	8.631.590.976

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay và trái phiếu phát hành	4.935.472.499	2.103.859.893
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	17.495.028.707	10.537.884.841
	22.430.501.206	12.641.744.734

20. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Nhận đặt cọc thuê văn phòng, dịch vụ khác	90.000.000	90.000.000
	90.000.000	90.000.000

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả cổ tức, lãi cổ tức cho nhà đầu tư	13.967.214.732	14.102.519.375
Phải trả các hợp đồng dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	203.078.500.000	120.425.000.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.027.648.903	1.027.648.903
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.245.689.082	1.905.011.111
	220.319.052.717	137.460.179.389

(*) Khoản phải trả liên quan đến các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng thông qua việc Công ty thực hiện tìm kiếm, giới thiệu mã chứng khoán cho khách hàng có nhu cầu đầu tư; hoặc kinh doanh với mục đích phù hợp theo quy định của pháp luật.

22. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2024 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	51.17%	306.226.740.000	51.17%	306.226.740.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thành Việt	6.57%	39.312.000.000	6.57%	39.312.000.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	42.26%	252.874.260.000	42.26%	252.874.260.000
	100%	598.413.000.000	100%	598.413.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	75.584.361.547	52.456.186.948
Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.957.473.595)	(3.733.561.909)
	73.626.887.952	48.722.625.039

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	52.456.186.948	30.823.863.664
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(3.733.561.909)	(5.807.574.162)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	24.128.174.599	22.382.323.284
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	76.584.361.547	53.206.186.948
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(1.000.000.000)	(750.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.000.000.000)	(750.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	75.584.361.547	52.456.186.948

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ - CKDK ngày 23 tháng 04 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.000.000.000

23. THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

	31/12/2024	01/01/2024
- USD	-	60.900.51

24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	170.979.623.393	298.031.528.583
1. Nhà đầu tư trong nước	170.979.623.393	298.031.528.583
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	4.445.354.288	31.544.258.520
1. Nhà đầu tư trong nước	3.946.759.560	31.116.090.704
2. Nhà đầu tư nước ngoài	498.594.728	428.167.816
	175.424.977.681	329.575.787.103

25. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	175.424.977.681	329.575.787.103
1.1. Nhà đầu tư trong nước	175.047.903.558	294.371.790.898
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	377.074.123	35.203.996.205
	175.424.977.681	329.575.787.103

26. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	801.240.264.773	808.681.546.184
1.1 Phải trả gốc margin	794.620.146.265	804.564.166.646
Nhà đầu tư trong nước	794.620.146.265	804.564.166.646
1.2 Phải trả lãi margin	6.620.118.508	4.117.379.538
Nhà đầu tư trong nước	6.620.118.508	4.117.379.538
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	223.412.885.984	73.221.809.680
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	223.412.885.984	73.221.809.680
Nhà đầu tư trong nước	223.412.885.984	73.221.809.680
	1.024.653.150.757	881.903.355.864

27. THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay					Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước		
Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	-	-	539.472.023	
- Cổ phiếu/ Trái phiếu niêm yết khác	19.375.245	2.120.808.265.010	2.119.929.509.444	1.121.554.196	276.100.000	18.016.460.000	-
- Trái phiếu chưa Niêm yết	1.879.829	765.441.893.399	749.336.512.732	16.889.185.726	750.503.689	32.731.972.533	13.186.920.858
- Chứng chỉ tiền gửi và cổ phiếu chưa niêm yết khác	425	1.993.372.111.441	1.995.188.727.320	54.372.111.441	56.188.727.320	21.538.526.394	21.229.424.658
	4.879.622.269.850	4.864.454.749.496	72.382.851.363	57.215.331.009	72.286.958.927	34.955.817.539	

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024				Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2024		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán		
Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
FVTPL	16.240.722.295	14.283.248.700	752.715.000	(2.710.188.595)	255.252.501	(3.988.814.410)	7.349.442.651	5.573.354.337
PAI	5.018.100.000	5.770.815.000	752.715.000	-	-	(150.543.000)	3.412.308.000	2.509.050.000
VPB	1.975.867	1.593.600	-	(382.267)	-	(382.267)	207.500	207.500
PAN	9.750.116.561	7.599.620.000	-	(2.150.496.561)	-	(3.286.439.761)	3.183.840.800	2.047.897.600
Cổ phiếu khác	1.470.529.867	911.220.100	-	(559.309.767)	255.252.501	(551.449.382)	753.086.351	1.016.199.237
	16.240.722.295	14.283.248.700	752.715.000	(2.710.188.595)	255.252.501	(3.988.814.410)	7.349.442.651	5.573.354.337

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	640.944.893	845.096.666
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	35.658.953.829	40.761.408.837
Từ các khoản cho vay	141.539.568.415	107.803.615.783
	177.839.467.137	149.410.121.286

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu khác	17.298.515.582	7.436.097.984
	17.298.515.582	7.436.097.984

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	240.755.297	59.694.396
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	240.755.297	59.694.396
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.955.663.328	1.928.369.930
	2.196.418.625	1.988.064.326

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	139.105.365	40.605.232
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	139.105.365	33.420.249
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	-	7.184.983
Chi phí lãi vay	93.684.694.171	43.633.078.309
	93.823.799.536	43.673.683.541

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	19.835.149.166	20.316.661.827
Chi phí vật tư văn phòng	259.810.065	385.699.508
Chi phí công cụ, dụng cụ	352.976.744	572.473.398
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.913.561.924	2.377.936.495
Chi phí thuế, phí và lệ phí	160.743.487	142.159.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.384.189.281	11.843.911.019
Chi phí khác	8.181.014.558	9.835.671.885
	50.087.445.225	45.474.513.977

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Khoản công nợ bán cổ phần không còn nghĩa vụ phải trả	1.560.000.000	-
Các khoản khác	7.629	273.137.500
	1.560.007.629	273.137.500

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản bị phạt	2.135.230.946	84.910.040
	2.135.230.946	84.910.040

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.172.761.093	30.774.224.129
Các khoản điều chỉnh tăng	2.833.760.008	3.734.327.749
- Chi phí không hợp lệ	2.833.760.008	3.734.327.749
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.417.033.207)	(2.919.108.919)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(640.944.893)	(845.096.666)
- Điều chỉnh giảm phần lợi nhuận chưa thực hiện	(1.776.088.314)	(2.074.012.253)
Thu nhập chịu thuế TNDN	33.589.487.894	31.589.442.959
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	550.600.601	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	7.268.498.180	6.317.888.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.232.307.853	(85.580.739)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(10.568.489.194)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	2.932.316.839	6.232.307.853

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	25.904.262.913	24.456.335.537
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.904.262.913	24.456.335.537
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.841.300	59.841.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	433	409

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng quan
Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường
Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:
Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Các tài sản tài	14.283.248.700	-	-	14.283.248.700
chính ghi nhận				
thông qua lãi/lỗ				
	14.283.248.700			14.283.248.700
Tại ngày 01/01/2024				
Các tài sản tài	13.485.069.130	-	-	13.485.069.130
chính ghi nhận				
thông qua lãi/lỗ				
	13.485.069.130			13.485.069.130

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:
Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:
Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	476.643.164.266	-	-	476.643.164.266
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	611.019.178.082	-	-	611.019.178.082
Các khoản cho vay	1.015.874.821.028	-	-	1.015.874.821.028
Các khoản phải thu	92.191.385.321	-	-	92.191.385.321
	2.195.728.548.697	-	-	2.195.728.548.697
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	353.652.313.226			353.652.313.226
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	634.000.000.000			634.000.000.000
Các khoản cho vay	875.627.765.105			875.627.765.105
Các khoản phải thu	98.944.418.427			98.944.418.427
	1.962.224.496.758			1.962.224.496.758

Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	1.566.489.645.946	69.899.445.831		1.636.389.091.777
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	224.213.284.102	90.000.000		224.303.284.102
Chi phí phải trả	22.430.501.206	-	-	22.430.501.206
	1.813.133.431.254	69.989.445.831		1.883.122.877.085
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	1.352.338.083.274	50.000.000.000	-	1.402.338.083.274
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	140.729.632.060	90.000.000	-	140.819.632.060
Chi phí phải trả	12.641.744.734	-	-	12.641.744.734
	1.505.709.460.068	50.090.000.000		1.555.799.460.068

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	57.435.806.493	80.373.238.907	205.727.390.190	343.536.435.590
Chi phí hoạt động	94.041.668.099	66.824.893.715	7.207.063.230	168.073.625.044
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	2.196.418.625
Chi phí không phân bổ	-	-	-	143.911.244.761
Kết quả hoạt động	(36.605.861.606)	13.548.345.192	198.520.326.960	33.747.984.410
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.034.929.343.672	269.292.845.302	1.294.411.505.756	2.598.633.694.730
Tổng tài sản	1.034.929.343.672	269.292.845.302	1.294.411.505.756	2.598.633.694.730
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	222.954.266.540	-	1.668.022.522.938	1.890.976.789.478
Tổng nợ phải trả	222.954.266.540	-	1.668.022.522.938	1.890.976.789.478

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Doanh thu			
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ	4.450.711.985	4.368.795.824
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	8.567.579.452	2.590.640.840
Mua hàng			
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ	361.501.151	767.435.967

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Tiền gửi			
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	4.636.006.182	6.981.241.402
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	Bên liên quan của Công ty mẹ	204.848.868	243.048.868
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	29.157.911	29.157.911
Phải thu đặt cọc			
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	95.000.000.000	60.487.930.000
Phả trả người bán			
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	215.547.946	-

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	956.195.000	886.386.250
Bà Hồ Việt Hà	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Trịnh Thế Phương	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Phan Quỳnh Nga	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.449.286.265	1.160.865.090
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)	-	50.181.818
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc (Hết nhiệm kỳ ngày 19/03/2024)	215.959.714	868.473.664
Bà Lưu Thị Việt Hà	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/09/2024)	362.584.725	-
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng ban BKS (Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)	23.600.000	149.855.000
Ông Bùi Thế Anh	Trưởng ban BKS (Bổ nhiệm ngày 26/04/2023)	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị An	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 26/04/2023)	96.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 26/04/2023)	60.000.000	40.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.
Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Báo cáo tình hình tài chính			
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	24.000.000.000	74.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	346	50.000.000.000	-


Đỗ Thị Hải Yến
Người lập


Nguyễn Thị Hồng
Phụ trách kế toán


Phan Quỳnh Nga
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ






NGUYỄN ANH TUẤN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

-  Tầng 2, tòa nhà Hà Nội Tourist - 18 Lý Thường Kiệt - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội
-  (84.24) 3934 3888
-  www.psi.vn/vi